BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH PIANO

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

MÃ SỐ: 7210208

Chương trình đào tạo ngành Piano, trình độ Đại học được ban hành theo Quyết định số: 2190/QĐ-ĐHSPNTTW ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW

Số: 2190/QĐ-ĐHSPNTTW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc trình độ đại học của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 26/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập Trường ĐHSP Nghệ thuật TW;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chương trình đào tạo các trình độ của Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐT ngày 27/10/2022 của Hội đồng Trường ĐHSP Nghệ thuật TW về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động Trường ĐHSP Nghệ thuật TW và Nghị quyết số 08/NQ-ĐHSPNTTW-HĐT ngày 05/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường ĐHSP Nghệ thuật TW;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc trình độ đại học;

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc trình độ đại học của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.

(Chương trình đào tạo kèm theo quyết định này)

Điều 2. Chương trình đào tạo tại Điều 1 áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2023.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo, các phòng chức năng, các đơn vị hữu quan của Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- HĐT (để bc);
- Ban Giám hiệu (để bc);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu VT; ĐT (06).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

PGS. TS. Lê Vinh Hưng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Ngành: PIANO
Mã số: 7210208

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: Piano

- Mã số ngành đào tạo: 7210208

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 04 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Cử nhân Piano

+ Tiếng Anh: Piano

- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

- Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo:

+ Căn cứ Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

+ Căn cứ Thông tư 17/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

+ Căn cứ Quyết định số 1364/QĐ-ĐHSPNTTW ngày 29 tháng 9 năm 2021 về việc ban hành Hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương;

+ Căn cứ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam

PHẦN II: MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân ngành piano có kiến thức toàn diện ở trình độ đại học, có kỹ năng sư phạm piano, kỹ năng đệm, hòa tấu thính phòng, thị tấu và bản lĩnh sân khấu vững vàng. Sau khi tốt nghiệp ngành Piano, người học có thể đảm nhiệm công việc chuyên môn tại các đơn vị nghệ thuật và tham gia các hoạt động âm nhạc khác như: biểu diễn độc lập, hòa tấu trong các dàn nhạc giao hưởng, các dàn hợp xướng, có thể làm công tác nghiên cứu, giảng dạy ở các cơ sở đào tạo và viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực âm nhạc, nghệ thuật. Đồng thời, có thể học tiếp lên bậc cao hơn hoặc tự học để nâng cao năng lực làm việc.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Kiến thức

Vận dụng được khối kiến thức chung trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp. Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực biểu diễn, giảng dạy Piano và giáo dục âm nhạc, có năng lực sư phạm để giải quyết nhiệm vụ giáo dục nghệ thuật, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo trong xu thế hội nhập. Người học lĩnh hội kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ và kiến thức về các nghiệp vụ bổ trợ như: Khối kiến thức chung; Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành; Khối kiến thức cơ sở ngành; Khối kiến thức chuyên ngành; Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp; Kiến thức tốt nghiệp… Nhằm tích lũy kiến thức nền tảng giáo dục âm nhạc, Vận dụng các kiến thức cơ bản của nhóm ngành trên cơ sở đó vận dụng vào học tập, biểu diễn, nghiên cứu khoa học, giáo dục âm nhạc, giảng dạy ở các cơ sở đào tạo nghệ thuật; cung cấp nguồn diễn viên cho các đoàn nghệ thuật, các trung tâm văn hóa; có khả năng quản lý hoạt động nghệ thuật chuyên và không chuyên. Có khả năng quản lý công tác dạy học môn chuyên ngành và Âm nhạc ở các trường chuyên nghiệp và cơ quan quản lý giáo dục.

Có thể áp dụng các khối kiến thức cơ sở ngành trong hoạt động biểu diễn, và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp.

Sử dụng được kiến thức cơ bản toàn diện, phấn đấu để trở thành một ca sĩ chuyên nghiệp, có tố chất của một người giảng viên giảng dạy chuyên ngành Piano, có năng lực tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật.

2.2. Kỹ năng

Hình thành năng lực thực hành cơ bản và phương pháp theo yêu cầu của chương trình đào tạo đại học Piano. Biết xây dựng kế hoạch giảng dạy, tổ chức quản lý hoạt động nghệ thuật chuyên và không chuyên. Phát hiện và bồi dưỡng, đào tạo, phát triển cho những nhân tố có năng khiếu âm nhạc. Cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, xây dựng nguồn tài liệu tham khảo. đáp ứng nhu cầu đổi mới của toàn xã hội. Có khả năng thành lập nhóm, xây dựng và triển khai kế hoạch làm việc của nhóm, chấp nhận sự khác biệt vì mục tiêu chung. Thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh.

PHẦN III. CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ THÔNG TIN TUYỂN SINH

1. Chuẩn đầu vào:

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Có năng khiếu âm nhạc. Có trình độ Piano cơ bản.
- Có trình độ âm nhạc phổ thông.
- Có đủ sức khỏe để học tập và làm việc;
- Không trong thời gian bị truy tố hoặc thi hành án hình sự.

2. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh:

+ Có trình độ trung cấp Piano hoặc tương đương.

- Hình thức tuyển sinh: Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ GD và ĐT và theo đề án tuyển sinh riêng của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW. Theo tổ hợp môn:

+ Ngữ văn

+ Kiến thức Âm nhạc tổng hợp – Xướng âm

+ Piano

- Dự kiến qui mô tuyển sinh: theo chỉ tiêu hàng năm của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương (khoảng 50 sinh viên/năm).

3. Thời gian thiết kế/điều chỉnh chương trình đào tạo: 2023

PHẦN IV: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã CĐR	Chi tiết
CĐR - Kiến thức	
KT1	***Khối kiến thức chung:*** Hiểu biết và có khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị vào phân tích và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống; làm cơ sở cho nền tảng tư tưởng, phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và thực hành khối kiến thức chuyên ngành. Hiểu biết và có khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, giáo dục thể chất để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp.
KT2	***Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành:*** _ Vận dụng các kiến thức về quá trình hình thành, phát triển của lịch sử văn minh thế giới, nghệ thuật học, mỹ học, phương pháp nghiên cứu khoa học trong học tập, biểu diễn, nghiên cứu và giảng dạy Piano. _ Vận dụng các kiến thức về quá trình lịch sử và các thành tố của văn hóa Việt Nam trong học tập, biểu diễn, nghiên cứu giảng dạy Piano.
KT3	***Khối kiến thức cơ sở ngành*** _ Nắm vững kiến thức khoa học cơ bản về Âm nhạc ở trình độ Đại học để vận dụng vào học tập, nghiên cứu khoa học giáo dục Âm nhạc và khả năng quản lý công tác dạy học môn chuyên ngành và Âm nhạc ở các trường chuyên nghiệp và cơ quan quản lý giáo dục. _ Có thể áp dụng các khối kiến thức cơ sở ngành trong hoạt động biểu diễn, và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp. _ Vận dụng các kiến thức về lí luận dạy học nói chung, phương pháp dạy học Piano nói riêng vào quá trình giáo dục định hướng thẩm mỹ âm nhạc,

	có khả năng sử dụng thành thạo các phương tiện, công nghệ hiện đại trong dạy học. _ Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng về quy trình xây dựng và sử dụng các phương pháp đánh giá khách quan thành tích học tập của học sinh. _ Hình thành thế giới quan, nhân sinh quan, lý tưởng nghề nghiệp, thị hiếu thẩm mỹ âm nhạc thông qua các chương trình biểu diễn nghệ thuật từ đó góp phần định hướng trong việc hoàn thiện nhân cách theo xu thế tích cực
KT4	***Khối kiến thức chuyên ngành*** _ Sử dụng được kiến thức, kỹ năng cơ bản toàn diện để nâng cao và hoàn thiện về kỹ thuật xử lý tác phẩm, phân tích cấu trúc tác phẩm, tốc độ, tính chất của tác phẩm, tìm hiểu và phân tích nội dung tác phẩm. - Vận dụng được những hiểu biết cơ bản của nghệ thuật biểu diễn đàn Piano và giảng dạy Piano; Nắm được phương pháp nghiên cứu quá trình luyện tập, biểu diễn môn chuyên ngành. Có năng lực biểu diễn độc tấu, hòa tấu, đệm Piano... - Nâng cao về biểu hiện nghệ thuật trong tác phẩm, nâng cao phong cách biểu diễn tác phẩm với các kỹ thuật Piano đã học, nghiên cứu nội dung tác phẩm, rèn luyện khả năng sáng tạo trong biểu diễn. - Hoàn thiện xử lý sắc thái tình cảm một cách thuần thục, kỹ thuật nhuần nhuyễn qua các tác phẩm Piano với các phong cách khác nhau, cách thể hiện biểu diễn sân khấu với sự sáng tạo của từng cá nhân
KT5	***Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp*** - Hiểu được đặc điểm lợi thế và nhược điểm trong khả năng biểu diễn của bản thân để có phương pháp rèn luyện phù hợp nhằm phát huy đối đa sở trường và hạn chế yếu điểm trong hoạt động biểu diễn từ đó định hình hướng phát triển về nghệ thuật của bản thân dựa trên sự tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ của các thầy cô tham gia giảng dạy

	- Biết cách xây dựng kế hoạch luyện tập và biểu diễn phù hợp với khả năng bản thân, đối tác tham gia và tính chất của từng chương trình biểu diễn. - Tích cực trong mọi hoạt động biểu diễn và học tập nâng cao năng lực chuyên môn của cá nhân và tập thể. - Vận dụng các kiến thức về lí luận dạy học nói chung vào quá trình dạy học - Lựa chọn, vận dụng được các phương pháp, phương tiện phù hợp mục tiêu, nội dung dạy học, đối tượng, hình thức tổ chức dạy học một cách hiệu quả nhất. - Vận dụng những hiểu biết về một số vấn đề chuyên sâu của nghệ thuật âm nhạc Việt Nam, các nước trong khu vực và thế giới vào học tập, nghiên cứu; đáp ứng yêu cầu dạy học môn chuyên ngành. - Hiểu và vận dụng được qui trình thực hiện chương trình biểu diễn tốt nghiệp, biết cách lập kế hoạch và khai thác các điều kiện học tập để hoàn thành tốt kỳ thi tốt nghiệp. - Vận dụng được phương pháp biểu diễn, nghiên cứu và giảng dạy môn chuyên ngành trong thực tiễn nghề nghiệp.
CĐR – Kỹ năng	
KN1	***Kỹ năng cứng*** **1.Kỹ năng nghề nghiệp**: Thành thục các kĩ năng nghề nghiệp hiểu và vân dụng được các kiến thức âm nhạc. Giọng hát đạt được kỹ thuật thanh nhạc để trình diễn được các thể loại như: ca khúc nghệ thuật, nhạc kịch cổ điển. **2. Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề**: - Có kỹ năng sắp xếp, tìm kiếm, thu thập, phân tích, tổng hợp thông tin và xây dựng báo cáo, giải quyết các vấn đề theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối cuả Đảng Cộng sản Việt Nam góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

	- Chuẩn hoá khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề: Phát hiện vấn đề nghiên cứu, phân tích và đề xuất được giải pháp phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp. **3. Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức**. Chuẩn hoá khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức: Cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, xây dựng nguồn tài liệu tham khảo, hỗ trợ cho chuyên ngành. **4. Kỹ năng xây dựng mục tiêu, lập kế hoạch dạy học, giáo dục** **5. Kỹ năng tổ chức và triển khai kế hoạch dạy học, giáo dục** **6. Kỹ năng đánh giá kết quả học tập của người học, đánh giá cải tiến việc dạy học, giáo dục:** **7. Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, phát triển chuyên môn, nghề nghiệp**
KN2	***Kĩ năng mềm*** **1. Các kỹ năng cá nhân:** Thành thục các kĩ năng cá nhân, thu thập và tổng hợp tài liệu, quản lý thời gian, thích ứng với sự thay đổi. **2. Phối hợp làm việc theo nhóm:** ***:*** Xây dựng và triển khai kế hoạch làm việc của nhóm, chấp nhận sự khác biệt vì mục tiêu chung. Thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh. **3. Kỹ năng giao tiếp** **4. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học**
KN3	***Kĩ năng giao tiếp:*** ***1.*** Thực hiện thuyết trình, giao tiếp giữa các cá nhân, nhóm. 2. Phối hợp tổ chức được các hoạt động xã hội đa dạng, phù hợp đặc điểm lứa tuổi, mục tiêu dạy học, giáo dục.
KN4	***Các kỹ năng mềm khác*** 1. Sử dụng ngoại ngữ: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam 2. Sử dụng được tin học văn phòng cơ bản và tin học chuyên ngành. Năng lực vận dụng được các kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn nghề nghiệp. Sử dụng một số phương pháp, công nghệ cơ bản, hiện đại để

	tiến hành các công việc chuyên môn về biểu diễn, nghiên cứu và dạy học Âm nhạc. 3. *Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp::* Cập nhật kiến thức, đề xuất các ý tưởng cải tiến việc dạy học môn học, viết và phổ biến các sáng kiến kinh nghiệm cho môn học, hình thành các ý tưởng nghiên cứu hoặc tham gia các đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên môn. 4. Hoạt động xã hội: Tổ chức được các hoạt động xã hội đa dạng, phù hợp đặc điểm lứa tuổi, mục tiêu dạy học, giáo dục.
CĐR – Mức tự chủ và trách nhiệm	
TC1	***Phẩm chất đạo đức cá nhân:*** Kiên trì, có ý thức trách nhiệm, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tự tin, chủ động, linh hoạt, say mê công việc.
TC2	***Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp*** - Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học tập cao hơn nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn. - Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và luôn có tinh thần hợp tác, trách nhiệm với công việc - Có phẩm chất chính trị, đạo đức, bản lĩnh của một nghệ sỹ biểu diễn, một nhà sư phạm - Yêu nghề, yêu hoạt động biểu diễn nghệ thuật và giảng dạy, nhiệt tình trong công tác; - Tác phong chuyên nghiệp, thể hiện tác phong tinh tế của nghệ sỹ biểu diễn và sự chuẩn mực của người giáo viên.
TC3	***Phẩm chất đạo đức xã hội*** - Có tinh thần dân tộc, hiểu biết về văn hóa dân tộc Việt Nam. - Có ý thức về an ninh quốc phòng toàn dân, thể hiện lập trường vững vàng và sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

PHẦN V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Cử nhân Piano có khả năng làm nghệ sỹ độc tấu, giảng viên tại các cơ sở đào tạo Âm nhạc chuyên nghiệp, có khả năng tổ chức, tham gia vào mọi hoạt động biểu diễn chuyên nghiệp, bán chuyên của xã hội hay công tác tại các Đoàn Nghệ thuật chuyên nghiệp. Cử nhân Piano của trường ĐHSPNTTW còn có thể thực hiện công tác nghiên cứu ở tổ chức, cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, về lĩnh vực Âm nhạc, Nghệ thuật học, Lí luận và phương pháp dạy học Âm nhạc, có khả năng tham gia tổ chức, quản lý giảng dạy tại các mô hình trường tư thục Âm nhạc; làm công tác quản lý văn hóa nghệ thuật ở các cơ quan nhà nước, đoàn thể xã hội; làm những công việc liên quan đến những vấn đề khác nhau thuộc khối ngành nghệ thuật.

PHẦN VI. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Có năng lực để tham gia học lên trình độ thạc sĩ và tiến sĩ.
- Có khả năng tự học hỏi và nghiên cứu, tìm hiểu trong môi trường làm việc để nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng tổ chức hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng đòi hỏi trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

PHẦN VII: MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Các học phần trong Chương trình đào tạo	**CHUẨN ĐẦU RA**											
	Kiến thức					**Kỹ năng**				**Năng lực tự chủ và trách nhiệm**		
	Từ 1 đến 5					**Từ 1 đến 4**				**Từ 1 đến 3**		
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN3	KN4	TC 1	TC 2	TC 3
Khối kiến thức chung												
Triết học Mác - Lênin	3					4					3	

Các học phần trong Chương trình đào tạo	CHUẨN ĐẦU RA											
	Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 4				Từ 1 đến 3		
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN3	KN4	TC 1	TC 2	TC 3
Kinh tế chính trị Mác-Lênin	3					4					3	
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3					4					3	
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3					4					4	
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3					4					4	
Tin học cơ bản	1	2	3			1	2	3	4	1	2	3
Tiếng Anh 1	1	2	3			1	2	3		1	2	3
Tiếng Anh 2	1	2	3			1	2	3		1	2	3
Giáo dục thể chất 1	3						5			3		
Giáo dục thể chất 2	3						5			3		
Giáo dục quốc phòng		2									2	
Pháp luật đại cương	3					4				4		4
Giáo dục quốc phòng												
Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành												
Các môn học bắt buộc												

Các học phần trong Chương trình đào tạo	CHUẨN ĐẦU RA										
	Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 4				Từ 1 đến 3		
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	TC1	TC2	TC3
Tiếng Anh chuyên ngành	1	2	3			1	2	3	4	1	2	3
Phương pháp nghiên cứu khoa học		2	1			2				1		
Mỹ học												
Cơ sở văn hoá Việt Nam		2				2		3				3
Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản VN		2				2		3				3
Các học phần tự chọn												
Đại cương các loại hình nghệ thuật	2	3				2				4	3	4
Kỹ năng khởi nghiệp	1						4	5		1		
Lịch sử văn minh thế giới			2		3	2			3	2		
Tâm lý học Nghệ thuật			3				1			1	2	
Khối kiến thức cơ sở ngành Fundemental subjects												
Các môn học bắt buộc Compulsory subjects												

Các học phần trong Chương trình đào tạo	CHUẨN ĐẦU RA											
	Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 4				Từ 1 đến 3		
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN3	KN4	TC 1	TC 2	TC 3
Lịch sử âm nhạc thế giới 1 History of the world music 1	2	3	3			2			5	4	3	4
Lịch sử âm nhạc thế giới 2 History of the world music 2	2	3	3			2				4	3	4
Âm nhạc Việt Nam	2	3	3			2			5	4	3	4
Phân tích tác phẩm 1 Music work analysis 1		3	3	3	2	2		2	5	2	3	4
Phân tích tác phẩm 2 Music work analysis 2	3											
Hòa thanh 1 Harmony		3	3	3	2	2		2	5	2	3	4
Ký xướng âm 1 Tonic Sol-fa notation 1	2		3		3	2	5	5		4	3	4
Ký xướng âm 2 Tonic Sol-fa notation 2	2		3		3	2	5	5		4	3	4
Ký xướng âm 3 Tonic Sol-fa notation 3	2		3		3	2	5	5		4	3	4
Lý thuyết âm nhạc 1	2		3	3		2	5		5	4	3	4

Các học phần trong Chương trình đào tạo	CHUẨN ĐẦU RA											
	Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 4				Từ 1 đến 3		
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN3	KN4	TC 1	TC 2	TC 3
Music theory 1												
Lý thuyết âm nhạc 2 Music theory 2	2		3	3		2	5		5	4	3	4
Các môn học tự chọn ***Optional subjects***												
Giới thiệu nhạc cụ Introduction to Musical Instruments	2	3		3		2	2	5		4	3	4
Lịch sử nghệ thuật Piano		4	4	3	2	3	2	2	2	3	3	
Giáo dục học Pedagogy			2			4			2	1	2	
Sáng tác Composition	2	3				3	2					
Khối kiến thức chuyên ngành **Speciality subjects**												
Các môn học bắt buộc ***Compulsory subjects***												
Piano chuyên ngành 1.1		2	2	2		2	2	2	2		1	
Piano chuyên ngành 1.2		2	2	2		2	2	2	2	1	1	

Các học phần trong Chương trình đào tạo	CHUẨN ĐẦU RA											
	Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 4				Từ 1 đến 3		
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN3	KN4	TC 1	TC 2	TC 3
Piano chuyên ngành 2.1		3	3	3		3	3	3	3	2		
Piano chuyên ngành 2.2		3	3	3		3	3	3	3	2	2	
Piano chuyên ngành 3.1		4	4	4		4	4	4	4		3	
Piano chuyên ngành 3.2		4	4	4		4	4	4	4	2	3	
Piano chuyên ngành 4.1		4	4	4		5	5	5	5		4	
Piano chuyên ngành 4.2		4	4	4		5	5	5	5	4	5	
Đệm thanh nhạc 1		1	1	1		2	2	2	2		1	
Đệm thanh nhạc 2		2	2	2		3	3	3	3	2		
Đệm thanh nhạc 3		3	3	3		4	4	4	4		3	
Đệm thanh nhạc 4		4	4	4		5	5	5	5	3	4	
Hòa tấu 1		1	1	1		2	2	2	2		1	
Hòa tấu 2		2	2	2		3	3	3	3	2		
Hòa tấu 3		3	3	3		4	4	4	4		3	
Hòa tấu 4		4	4	4		5	5	5	5	3	4	
Hoà thanh trên đàn 1		4	4	3	2	3	2	2	2	3	3	

Các học phần trong Chương trình đào tạo	CHUẨN ĐẦU RA											
	Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 4				Từ 1 đến 3		
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN3	KN4	TC 1	TC 2	TC 3
Hoà thanh trên đàn 2		4	4	3	2	3	2	2	2	3	3	
Các môn tự chọn Optional subjects												
Kỹ năng nghe		3	4	5	4	5	3	4	2	3	3	
Thực tế sáng tác	3	3				3	2			4	3	4
Phương pháp dạy học Piano		4	4	3	2	3	2	2	2	3	3	
Chuyên đề		4	4	3	2	3	2	2	2	3	3	
Khối kiến thức tế và tốt nghiệp												
Khối kiến thức thực tế, thực tập nghề nghiệp Knowledge for practice												
Thực tập nghề nghiệp 1 Carreer Practice 1		3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	
Thực tập nghề nghiệp 2 Carreer Practice 2		3	4	4	4	4	4	4	2	3	3	

Các học phần trong Chương trình đào tạo	CHUẨN ĐẦU RA											
	Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 4				Từ 1 đến 3		
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN3	KN4	TC 1	TC 2	TC 3
Khối kiến thức cuối khóa												
Chương trình biểu diễn tốt nghiệp		3	5	6	4	5	4	4	2	3	3	

PHẦN VIII: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích luỹ: 132 tín chỉ *(chưa tính học phần Giáo dục Quốc phòng)*

1.1. Khối kiến thức chung: **27 tín chỉ**

1.2. Khối kiến thức cơ bản chung của khối ngành: **16 tín chỉ**

+ Bắt buộc: 11 tín chỉ

+ Tự chọn: 5/9 tín chỉ

1.3. Khối kiến thức cơ sở ngành: **28 tín chỉ**

+ Bắt buộc: 24 tín chỉ

+ Tự chọn: 4/9 tín chỉ

1.4. Khối kiến thức chuyên ngành: **41 tín chỉ**

+ Bắt buộc: 36 tín chỉ

+ Tự chọn: 5/9 tín chỉ

1.5. Khối kiến thức thực tế, thực tập nghề nghiệp: **6 tín chỉ**

1.6. Khối kiến thức cuối khóa: **14 tín chỉ**

II. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Giảng lý thuyết	*Hướng dẫn học tập*	*Tự học/tự nghiên cứu…*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
I	**M1**	**Khối kiến thức chung**	**27**				
1	POL2009	Triết học Mác - Lênin	3	39	12	99	Không
2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	26	8	66	Triết học Mác - Lênin
3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	26	8	66	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	26	8	66	Chủ nghĩa xã hội khoa học
5	POL2013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	26	8	66	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	INF2001	Tin học cơ bản	2	10	24	66	Không
7	CFL2001	Tiếng Anh 1	4	52	16	132	Không
8	CFL2002	Tiếng Anh 2	3	39	12	99	Tiếng Anh 1
9	PPE2010	Giáo dục thể chất 1	2	4	46	50	Không
10	PPE2011	Giáo dục thể chất 2	3	6	69	75	Giáo dục thể chất 1
11	POL2007	Pháp luật đại cương	2	26	8	66	Không

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Giảng lý thuyết	*Hướng dẫn học tập*	*Tự học/tự nghiên cứu…*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
12	GDQP	Giáo dục quốc phòng					
II	**M2**	**Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành**	**16**				
II.1		***Các môn học bắt buộc***	**11**				
13	CFL2005	Tiếng Anh chuyên ngành	2	26	8	66	Tiếng Anh 2
14	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	26	8	66	Không
15	MUS2002	Mỹ học	2	22	16	62	POL2009
16	CLM2001	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	39	12	99	Không
17	CLM2010	Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam	2	26	8	66	Không
II.2		***Các học phần tự chọn***	**5/9**				
18	MUS2078	Đại cương các loại hình nghệ thuật	2	26	8	66	Không

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Giảng lý thuyết	*Hướng dẫn học tập*	*Tự học/tự nghiên cứu…*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
		Genaral Arts					
19	PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp	3	15	30	90	Không
20	CLM2004	Lịch sử văn minh thế giới History of World civilization	2	26	8	66	Không
21	PPE2004	Tâm lý học nghệ thuật Psychology of Art	2	26	8	66	Không
III	**M3**	**Khối kiến thức cơ sở ngành**	**28**				
III.1		***Các học phần bắt buộc***	**24**				
22	MUS2060	Lịch sử âm nhạc thế giới 1 History of the world music 1	2	26	8	66	Không
23	MUS2061	Lịch sử âm nhạc thế giới 2 History of the world music 2	2	26	8	66	Lịch sử âm nhạc thế giới 1

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Giảng lý thuyết	*Hướng dẫn học tập*	*Tự học/tự nghiên cứu…*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
24	MUS2056	Âm nhạc Việt Nam Vietnam music	2	26	8	66	Lịch sử âm nhạc thế giới 2
25	MUS2024	Phân tích tác phẩm 1 Analysis of musical works 1	2	26	8	66	Hòa thanh 1
26	MUS2079	Phân tích tác phẩm 2 Analysis of musical works 2	3	39	12	99	Phân tích tác phẩm 1
27	MUS2062	Hòa thanh 1 Harmony 1	2	26	8	66	Lý thuyết âm nhạc 2
28	MUS2017	Ký xướng âm 1	2	10	40	50	Không
29	MUS2018	Ký xướng âm 2	2	10	40	50	Ký xướng âm 1
30	MUS2019	Ký xướng âm 3	2	10	40	50	Ký xướng âm 2
31	MUS2008	Lý thuyết âm nhạc 1 Music theory 1	3	39	12	99	Không

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Giảng lý thuyết	*Hướng dẫn học tập*	*Tự học/tự nghiên cứu…*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
32	MUS2009	Lý thuyết âm nhạc 2 Music theory 2	2	26	8	66	Lý thuyết âm nhạc 1
III.2		***Các học phần tự chọn***	**4/9**				
33	MUS2030	Giới thiệu nhạc cụ Introduction to Musical instrument	2	26	8	66	Không
34	PIA2001	Lịch sử nghệ thuật Piano	2	26	8	2	Không
35	PPE2002	Giáo dục học Pedagogics (educators)	3	39	12	99	Tâm lý học
36	MUS2012	Sáng tác Composition	2	26	8	66	Phân tích tác phẩm 1
IV	**M4**	**Khối kiến thức chuyên ngành**	**41**				
IV.1		***Các môn học bắt buộc***	**36**				
37	PIA2003*	Piano chuyên ngành 1.1	2	4	26	70	Không

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Giảng lý thuyết	*Hướng dẫn học tập*	*Tự học/tự nghiên cứu…*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
38	*PIA2003	Piano chuyên ngành 1.2	2	4	26	70	Piano chuyên ngành 1.1
39	PIA2004*	Piano chuyên ngành 2.1	2	4	26	70	Piano chuyên ngành 1.2
40	*PIA2004	Piano chuyên ngành 2.2	2	4	26	70	Piano chuyên ngành 2.1
41	PIA2005*	Piano chuyên ngành 3.1	2	4	26	70	Piano chuyên ngành 2.2
42	*PIA2005	Piano chuyên ngành 3.2	2	4	26	70	Piano chuyên ngành 3.1
43	PIA2006*	Piano chuyên ngành 4.1	2	4	26	70	Piano chuyên ngành 3.2
44	*PIA2006	Piano chuyên ngành 4.2	2	4	26	70	Piano chuyên ngành 4.1
45	PIA2007*	Đệm thanh nhạc 1	2	4	26	70	Không
46	PIA2008*	Đệm thanh nhạc 2	2	4	26	70	Đệm thanh nhạc 1
47	PIA2009*	Đệm thanh nhạc 3	2	4	26	70	Đệm thanh nhạc 2
48	PIA2010*	Đệm thanh nhạc 4	2	4	26	70	Đệm thanh nhạc 3
49	PIA2011*	Hòa tấu 1	2	4	26	70	Không

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Giảng lý thuyết	*Hướng dẫn học tập*	*Tự học/tự nghiên cứu…*	
1	***2***	***3***	***4***	***5***	***6***	***7***	***8***
50	PIA2012*	Hòa tấu 2	2	4	26	70	Hòa tấu 1
51	PIA2013*	Hòa tấu 3	2	4	26	70	Hòa tấu 2
52	PIA2014*	Hòa tấu 4	2	4	26	70	Hòa tấu 3
53	PIA2015	Hòa thanh trên đàn 1	2	4	26	70	Không
54	PIA2016	Hòa thanh trên đàn 2	2	4	26	70	Hòa thanh trên đàn 1
IV.2		***Các môn tự chọn***	***5/9***				
55	PIA2018	Kỹ năng nghe	2	26	8	66	Không
56	MUS2014	Thực tế sáng tác	2				Không
57	PIA2017	Phương pháp dạy học Piano	2	20	14	66	Không
58	PIA2027	Chuyên đề	3	30	21	99	Không
V	**M5**	***Khối kiến thức thực tế, thực tập nghề nghiệp***	**6**				
59	PIA2028	Thực tập nghề nghiệp 1	3	6	39	105	Không
60	PIA2029	Thực tập nghề nghiệp 2	3	6	39	105	Thực tập nghề nghiệp 1
VI	**M6**	**Khối kiến thức cuối khóa**	**14**				

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Giảng lý thuyết	*Hướng dẫn học tập*	*Tự học/tự nghiên cứu…*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
61	PIA2022	Chương trình biểu diễn nghệ thuật	14				Các học phần theo quy định
Tổng cộng			**132**				

3. Tóm tắt nội dung các học phần

I. Khối kiến thức chung (M1): 27 tín chỉ

1. POL2009. Triết học Mac- Lênin (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Môn Triết học Mác - Lênin bao gồm ba chương. Ngoài việc giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề về đối tượng học tập, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu của môn học. Còn cung cấp cho người học thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin. Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2. POL2010. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: POL2009 Triết học Mác - Lênin

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường

định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. POL2011. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: POL2010 Kinh tế chính trị Mác-Lênin

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

4. POL2003. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: POL2011 Chủ nghĩa xã hội khoa học

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Giới thiệu cho sinh viên một số vấn đề về vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh hiện nay. Giới thiệu cho sinh viên một số vấn đề về vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh hiện nay.

5. POL2013. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: POL2003 Tư tưởng Hồ Chí Minh

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung môn học gồm 4 chương: Chương mở đầu, Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Chương 1, những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Chương 2, Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến,

hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975). Chương 3, Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018). Khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. INF2001. Tin học cơ bản (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học bao gồm các phần sau:

Phần 1. Một số kiến thức cơ bản về tin học và máy tính, bao gồm: Thông tin, lưu trữ và xử lý thông tin trên máy tính; Hệ điều hành; một số trình tiện ích, ...

Phần 2. Hệ soạn thảo văn bản MicrosoftWord: Bao gồm các kiến thức giúp sinh viên thực hiện các thao tác xử lý văn bản bằng công cụ hỗ trợ văn phòng MS Word như xây dựng văn bản, định dạng văn bản, chèn các đối tượng vào văn bản v.v...

Phần 3. Bảng tính điện tử MicrosoftExcel: Giúp sinh viên thực hiện các kỹ năng trên bảng tính như nhập dữ liệu cho bảng tính, trình bày bảng tính, xây dựng công thức, sử dụng một số hàm thông dụng để tính toán, các hàm đặc biệt khác và xử lý, tổng hợp dữ liệu trên bảng tính...

Phần 4. Trình chiếu MicrosoftPower Point: Giúp sinh viên thực hiện làm quen với các công cụ trên slides, tạo hiệu ứng cho slides, quản lý slides, kỹ thuật trình chiếu nhằm tạo ra một bài trình chiếu sinh động.

7. CFL2001. Tiếng Anh 1 (4 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung học phần tiếng Anh 1 gồm 14 chủ đề: **(**1) Hello everybody; (2) Meeting people; (3) The world of work; (4) Take it easy; (5) Where do you live?; (6)

Can you speak English?; (7) Then and now (8) A date to remember; (9) Food you like (10) Bigger and better (11) Looking good; (12) Life 's an adventure; (13) Storytime; (14) Have you ever? Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản của Tiếng Anh về ngữ âm, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. Về kiến thức ngữ pháp, học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức bao gồm: Cấu tạo và cách sử dụng của thì hiện tại đơn với động từ "to be" và động từ thường; cấu trúc "have got/ has got"; "have to/ has to", động từ khuyết thiếu "can" và "could", cấu trúc 'there is/there are', thì quá khứ đơn với động từ "to be" và động từ thường, danh từ đếm được và không đếm được, cách dùng của tính từ và trạng từ, cấu tạo và cách dùng của thì hiện tại tiếp diễn; cách diễn đạt hành động trong tương lai gần với "be going to"; các cấp so sánh của tính từ; thì hiện tại hoàn thành, tính từ sở hữu; danh từ đếm được và không đếm được; đại từ sở hữu. Về kiến thức ngữ âm và từ vựng, học xong học phần sinh viên có khả năng phát âm đúng số đếm, số điện thoại và các từ vựng thuộc chủ đề quê quán, quốc tịch, gia đình, hoạt động vui chơi giải trí, thức ăn và đồ uống, trang phục, cảm xúc, đồ vật trong gia đình, từ chỉ nghề nghiệp, màu sắc và thời tiết. Về kỹ năng thực hành tiếng, học phần rèn luyện cho sinh viên khả năng nghe, nói, đọc và viết theo các chủ điểm: giới thiệu bản than, gia đình, sở thích, hoạt động giải trí, phát minh, công việc, …

8. CFL2002. Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: CFL2001 Tiếng Anh 1

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung học phần tiếng Anh 2 gồm 12 chủ đề: (1) Unit1: Getting to know you; (2) Unit 2: The way we live; (3) Unit 3: What happened next?; (4) Unit 4: The market place; (5) Unit 5: What do you want to do?; (6) Unit 6: Places and things; (7) Unit 7: Fame; (8) Unit 8: Do's and don't; (9) Unit 9: Going places; (10) Unit 10: Things that changed the world; (11) Unit 11: What if …?; Unit 12: Trying your best.. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản của Tiếng Anh về ngữ âm, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. Về kiến thức ngữ pháp, học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức bao gồm: thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, từ chỉ số lượng, quán từ xác định, các cấu trúc diễn

đạt tương lai, cấu trúc so sánh của tính từ, cấu trúc "have to, should, must", mệnh đề thời gian bắt đầu bằng các từ "as soon as, when, while, until", dạng bị động, câu điều kiện loại 2. Về kiến thức ngữ âm và từ vựng, học xong học phần sinh viên có khả năng phát âm đúng các từ vựng thuộc các chủ đề: thức ăn đồ uống, địa điểm, mua sắm. Sinh viên nhớ và vận dụng được các từ kết hợp với chủ đề cuộc sống hàng ngày, tính từ đồng nghĩa và trái nghĩa, động từ kết hợp với danh từ, cụm động từ và thành ngữ. Về kỹ năng thực hành tiếng, học phần rèn luyện cho sinh viên khả năng nghe, nói, đọc và viết về các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày. Đối với kỹ năng đọc, rèn luyện cho sinh viên khả năng đọc lướt, đọc quét. Đối với kỹ năng nghe, rèn luyện cho sinh viên khả năng nghe để xác định thông tin đúng/sai, nghe để ghi lại thông tin chính. Đối với kỹ năng viết, sinh viên có khả năng.

9. PPE2010. Giáo dục thể chất 1 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Giáo dục thể chất 1 (GDTC 1) là phần học bắt buộc trong chương trình Giáo dục thể chất dành cho Sinh viên trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW. Phần học GDTC 1 được chia làm ba nội dung chính:

Thứ nhất: Thể dục cơ bản là các nội dung đội hình đội ngũ và các bài tập thể dục tay không được sắp xếp thành bài tập để người tập thường xuyên tập luyện ở mọi lúc mọi nơi, nhằm tăng cường sức khoẻ và sự dẻo dai trong lao động.

Thứ hai: Kỹ thuật chạy cự ly ngắn là nội dung nằm trong bộ môn Điền kinh. Kỹ thuật chạy cự ly ngắn là môn thể thao có lịch sử lâu đời, được ưa chuộng và phổ cập rộng rãi trên thế giới. Với nội dung phong phú đa dạng, các bài tập điền kinh có vị trí chủ yếu trong một số những bài tập nhằm phát triển thể lực toàn diện là tiền đề để phát triển các môn thể thao khác.

Thứ ba: Thể dục Aerobic: là một dạng của Aerobic với mục đích nâng cao thể lực nói chung và sức bền nói riêng cho người tập. Nó được thực hiện nhờ vận động tại chỗ và di chuyển trong sự phối hợp với nhạc đệm - dẫn dắt nhịp. Cường độ vận động của thể dục Aerobic phụ thuộc vào tính chất, mục đích xây dựng của bài tập.

10. PPE2011. Giáo dục thể chất 2 (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: PPE2010 Giáo dục thể chất 1

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Giáo dục thể chất 2 (GDTC 2) là phần học tự chọn trong chương trình Giáo dục thể chất dành cho sinh viên trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW. Phần học GDTC 2 được chọn làm ba nội dung:

Giáo dục thể chất 2 **(Cầu lông)**

Môn học Cầu lông là một trong 3 nội dung học tự chọn của học phần Giáo dục thể chất 2 trong chương trình đào tạo về Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW. Môn học chia làm 3 nội dung chính: một là Nguồn gốc ra đời của môn Cầu lông và Luật thi đấu môn Cầu lông, hai là Các kỹ thuật thực hành trong môn học Cầu lông, ba là Phương pháp tổ chức và thi đấu môn học Cầu lông.

Môn học Cầu lông là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: lịch sử ra đời môn Cầu lông, các kỹ thuật cơ bản trong đánh cầu lông, thi đấu cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông.

Ngoài ra môn học giúp cho người học hiểu được vai trò, chức năng của cầu lông trong rèn luyện giáo dục thể chất nói chung và trong hoạt động thể dục thể thao nói riêng, đồng thời rèn luyện cho sinh viên các kĩ năng vận động, xác định mục tiêu môn học, bài học. Trên cơ sở đó, giảng viên xây dựng quy trình đánh giá kết quả học tập một cách khách quan, khoa học và công bằng. Qui trình này cũng giúp giảng viên, sinh viên biết tự đánh giá kết quả của quá trình dạy và học, giúp giảng viên, sinh viên thu thập các thông tin phản hồi hữu ích để điều chỉnh quá trình dạy học, nhằm đạt mục tiêu dạy học giáo dục thể chất một cách tốt nhất.

Giáo dục thể chất 2 **(Khiêu vũ)**

Môn học Khiêu vũ thể thao là một trong 3 nội dung học trong học phần tự chọn (GDTC2) của môn Giáo dục thể chất. Khiêu vũ thể thao gồm hai trường phái (Latin American và Standard), trong đó mỗi trường phái có 5 vũ điệu và được Liên đoàn khiêu vũ thể thao quốc tế lựa chọn làm các nội dung thi đấu trong hệ thống thi đâu quốc tế. Chương trình môn học tự chọn - Khiêu vũ thể thao trong nội dung môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học sư phạm Nghệ thuật Trung ương là trường phái Latin American (bao gồm các vũ điệu: Cha cha cha, Rumba, Samba, Jive

và Paso Doble). Khi học nội dung này, sinh viên sẽ được cung cấp hệ thống những kiến thức cơ bản nhất, chung nhất về Khiêu vũ thể thao (Luật Khiêu vũ thể thao và các tư thế liên kết cơ bản). Bên cạnh đó, mỗi một vũ điệu giảng viên cung cấp thêm cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc, xuất xứ các vũ điệu, cách đếm nhạc và vào nhạc, các vũ hình cơ bản để sinh viên có thể tự dựng một bài riêng cho đôi nhảy của mình. Ngoài ra, kết thúc môn học sinh viên còn được tổ chức thi học phần dưới hình thức như 1 giải đấu nhỏ về Khiêu vũ thể thao để các em có thể áp dụng triệt để những kiến thức đã được học cả về lý thuyết và thực hành để tạo hứng thú trong các em sinh viên. Cùng với sự kiểm tra, đánh giá, nhận xét của các giảng viên có chuyên môn trong bộ môn Giáo dục thể chất giúp các em nâng cao được trình độ và có thể tự tin đi giao lưu hoặc tham gia một số giải đấu như Vũ điệu xanh, Giải thể thao học sinh sinh viên, giải thể thao các trường đại học, cao đẳng khu vực Hà Nội…

Giáo dục thể chất 2 **(Võ)**

Môn học Võ thuật là một trong 3 nội dung học trong học phần tự chọn của môn Giáo dục thể chất. Võ thuật gồm nhiều môn phái như (Võ cổ truyền, Karate, Vovinam, Taekwondo…), trong đó trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung Ương chọn môn võ Karate làm một trong ba môn học tự chọn của trường. Chương trình môn học tự chọn – Võ thuật trong nội dung môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương là môn phái Karate. Khi học nội dung này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản nhất, chung nhất về Võ thuật (Luật Võ Karate và các tư thế tấn, các đòn đấm, đá). Bên cạnh đó, mỗi bài bài quyền giảng viên cung cấp thêm cho sinh viên kiến thức về yếu lĩnh kỹ thuật của từng tư thế động tác, cách sử dụng lực ở từng đòn đấm, đá và cách di chuyển trong bài quyền để sinh viên có thể thực hiện đúng và liên hoàn các thế võ. Ngoài ra, kết thúc môn học sinh viên còn được tổ chức thi học phần dưới hình thức biểu diễn theo nhóm

11. POL2007. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Pháp luật đại cương là môn học cung cấp cho sinh viên không chuyên luật những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật nói chung, những vấn đề cơ bản nhất về một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vấn đề hội nhập, hợp tác quốc tế.

Tuyên truyền, giáo dục pháp luật góp phần hình thành những thế hệ công dân có hiểu biết về pháp luật và có ý thức thượng tôn pháp luật.

Việc nghiên cứu học tập những nội dung cơ bản đó có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn này, khi mà Đảng và Nhà nước ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế XHCN.

12. GDQP. Giáo dục quốc phòng

II. Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành (M2): 16 tín chỉ

II.1. Các học phần bắt buộc: 11 tín chỉ

13. CFL2005. Tiếng Anh chuyên ngành (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: CFL2002 Tiếng Anh 2

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Tiếng Anh chuyên ngành là học phần giới thiệu cho sinh viên nắm được cách phát âm, nghĩa của các từ vựng theo 6 chủ điểm về Âm nhạc trong giáo trình học bao gồm Music history (lịch sử Âm nhạc); Role of music (Vai trò của Âm nhạc); Genres of music (Các thể loại Âm nhạc); Musical instrument reclassified (Tái phân loại nhạc cụ); Wolegang Amadeus Mozart-life, works and music style (Tác phẩm và phong cách Âm nhạc của Mozart); The development of jazz (Sự phát triển của nhạc jazz). Qua 6 chủ đề trên sinh viên có thể học hỏi, vận dụng kiến thức để thuyết trình, giao tiếp và sử dụng thành thạo tiếng Anh chuyên ngành Âm nhạc vào các công việc trong tương lai.

14. PPE2008. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học cung cấp cho người học kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, kiến thức về hệ thống các phương

pháp nghiên cứu khoa học và các bước thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học, những yêu cầu trong trình bày kết quả nghiên cứu.

Trên cơ sở đó người học có khả năng triển khai nghiên cứu một đề tài cụ thể

15. MUS2002. Mỹ học (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: POL2009 Triết học Mác - Lênin

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống, khoa học về Mỹ học Mác - Lê nin và một số tư tưởng Mỹ học khác. Nội dung môn học nghiên cứu những vấn đề sau:

(1) Chương 1: Bản chất của mỹ học, nghiên cứu, Bản chất của Mỹ học; Khái quát về đối tượng thẩm mỹ lịch sử tư tưởng thẩm mỹ qua các thời kỳ

(2) Chương 2: Các phạm trù cơ bản của Mỹ học – Khách thể thẩm mỹ, nghiên cứu, Phạm trù Cái đẹp; Cái bi; Cái hài....

(3) Chương 3: Chủ thể thẩm mỹ, nghiên cứu, Chủ thể thẩm mỹ và mối quan hệ của chủ thể với tác phẩm nghệ thuật; Các thành tố cấu thành của chủ thể thẩm mỹ.

(4) Chương 4: Giáo dục thẩm mỹ, nghiên cứu, Bản chất của giáo dục thẩm mỹ; Các hình thức giáo dục thẩm mỹ; Vai trò của GD và định hướng thẩm mỹ trong môi trường học đường... Trong tự nhiên, các mối quan hệ xã hội, trong nghệ thuật. Từ đó hình thành năng lực cảm thụ, đánh giá, sáng tạo nghệ thuật.

16. CLM2001. Cơ sở văn hóa Việt Nam (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học căn bản, thiết thực đối với sinh viên thuộc khối ngành khoa học xã hội và nhân văn, văn hóa - nghệ thuật. Môn học chiếm thời lượng 3 tín chỉ, là môn học mang tính bắt buộc của sinh viên trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương. Nội dung môn học bao gồm các kiến thức cơ bản về văn hóa như: Khái niệm về văn hóa, về điều kiện hình thành và phát triển văn hóa Việt Nam; cấu trúc của văn hóa Việt Nam (các thành tố tạo nên văn hóa Việt Nam); tiến trình văn hóa Việt Nam (tiếp cận văn hóa theo chiều "thời gian"); các vùng văn

hóa Việt Nam (tiếp cận văn hóa theo chiều "không gian"); khái lược về một số loại hình nghệ thuật: âm nhạc, hội họa, sân khấu, trang phục (đây cũng là những lĩnh vực gắn liền với các chuyên ngành đào tạo tại trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương).

17. CLM2010. Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đường lối, chủ trương văn hóa, văn nghệ của Đảng từ Đề cương văn hóa năm 1943 đến thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Mục tiêu học phần khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng trong các lĩnh vực văn hóa, văn nghệ. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ đường lối, chính sách của Đảng về văn hóa, văn nghệ trong thời kỳ đổi mới ở nước ta, bao gồm hệ thống kiến thức xác định rõ sự lãnh đạo của Đảng CSVN thông qua chủ trương, quan điểm, nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể định hướng các hoạt động văn hóa, văn nghệ; khẳng định vai trò của văn hóa, văn nghệ gắn liền với sự phát triển kinh tế, xã hội, là cơ sở xây dựng các giá trị chuẩn mực về đạo đức, lối sống trong xã hội. Phần cuối học phần cung cấp cho sinh viên một số văn kiện của Đảng về văn hóa, văn nghệ để sinh viên đối chiếu, so sánh với thực tiễn các hoạt động văn hóa, nghệ thuật trong đời sống xã hội.

II.2. Các học phần tự chọn: 5/9 tín chỉ

18. MUS2078. Đại cương các loại hình nghệ thuật (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học có nội dung là những kiến thức cơ bản nhất về các vấn đề nguồn gốc của nghệ thuật, vai trò và chức năng của nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật. Đặc trưng hình thức, ngôn ngữ của một số loại hình nghệ thuật tiêu biểu: Kiến trúc, Điêu khắc, Hội họa, Âm nhạc, Múa, Sân khấu, Điện Ảnh, Văn học.

19. PPE2030. Kỹ năng khởi nghiệp (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: **Không**

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần được xây dựng từ bộ tài liệu "Kỹ năng toàn diện – Nền tảng cốt lõi để khởi nghiệp thành công" do Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt triển khai tại các cơ sở đào tạo.

Học phần bao gồm 07 nhóm kỹ năng cần thiết và quan trọng đối với người học, bao gồm:

(1) Kỹ năng nhận thức bản thân;

(2) Kỹ năng làm chủ cảm xúc;

(3) Kỹ năng tương tác xã hội;

(4) Kỹ năng làm việc;

(5) Kỹ năng quản lý;

(6) Kỹ năng lãnh đạo;

(7) Kỹ năng khởi nghiệp thành công.

Mỗi nhóm kỹ năng này bao gồm các kỹ năng hoặc chủ đề nhỏ khác, được xây dựng theo nguyên tắc từ nội dung đơn giản đến nâng cao và chuyên sâu và mang tính thực tiễn (Tổng thể học phần bao gồm 7 nhóm kỹ năng lớn với 10 chủ đề nhỏ, tương đương với 10 buổi học/03 tín chỉ của học phần này)

20. CLM2004. Lịch sử văn minh thế giới (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về điều kiện hình thành và quá trình lịch sử của một số nền văn minh trên thế giới từ thời kỳ cổ đại, trung đại đến thời kỳ cận, hiện đại.... Trên cơ sở đó, giới thiệu về những thành tựu cơ bản của một số trung tâm văn minh như: Văn minh ở Bắc Phi và Tây Á, văn minh Ấn Độ cổ - trung đại, văn minh Trung Quốc cổ - trung đại, văn minh Hy Lạp-La Mã cổ đại,…

Môn học còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc điểm của một số nền văn minh, từ đó giúp cho sinh viên có thể nhận dạng được nền văn minh đó, so sánh, đối chiếu để thấy được sự giống và khác nhau giữa văn minh, văn hóa Việt Nam với

văn minh nhân loại, thấy được sự kế thừa các thành tựu văn minh của thời kỳ sau đối với thời kỳ trước.

21. PPE2004. Tâm lý học nghệ thuật (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tâm lý học Nghệ thuật cung cấp cho sinh viên góc nhìn của Tâm lý học về nghệ thuật, đồng thời giúp sinh viên tiếp cận được với các xu hướng Tâm lý học trong nghiên cứu nghệ thuật.

Học phần Tâm lý học Nghệ thuật giúp sinh viên hiểu được các quá trình tâm lý đặc trưng trong sáng tạo nghệ thuật; Phân biệt được xúc cảm và tình cảm trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật

Học phần làm rõ các biểu hiện vô thức và đánh giá vai trò của vô thức trong hoạt động sáng tạo, Năng lực sáng tạo của người nghệ sỹ cũng như các biện pháp phát triển năng khiếu, năng lực sáng tạo nghệ thuật.

III. Khối kiến thức cơ sở ngành (M3): 28 tín chỉ

III.1. Các học phần bắt buộc: 24 tín chỉ

22. MUS2060. Lịch sử âm nhạc thế giới 1 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về lịch sử âm nhạc Phương Tây từ khởi đầu đến hết thời kỳ của Trường phái âm nhạc cổ điển Viên nửa sau thế kỷ XVIII, bao gồm:

- Âm nhạc thời kỳ nguyên thủy
- Âm nhạc thời kỳ cổ đại
- Âm nhạc thời kỳ trung cổ
- Âm nhạc thời kỳ Phục hưng
- Âm nhạc thời kỳ thế kỉ XVII-XVIII với các trung tâm: Ý, Pháp, Đức…
- Âm nhạc thời kỳ cổ điển Viên.

23. MUS2061. Lịch sử âm nhạc thế giới 2 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: MUS2060 Lịch sử âm nhạc thế giới 1

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Lịch sử âm nhạc thế giới 2 là học phần trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về lịch sử âm nhạc thế giới (phần phương Tây) thế kỷ XX với các trào lưu, phong cách chính, đặc điểm âm nhạc, một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

Giới thiệu sơ lược về lịch sử âm nhạc phương Đông với một số đại diện tiêu biểu như Trung Quốc, Ấn Độ... Từ đó, có những kiến thức tổng hợp về âm nhạc, đáp ứng nhu cầu đào tạo giáo viên âm nhạc.

24. MUS2056. Âm nhạc Việt Nam (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: MUS2061 Lịch sử âm nhạc thế giới 2

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học giới thiệu về nền âm nhạc Việt Nam với các đặc trưng cơ bản mang truyền thống Đông Nam Á kết hợp với các yếu tố du nhập từ phương Bắc và phương Tây; Các giai đoạn phát triển chính; Các đặc điểm và thành tựu trong mỗi thời kỳ, giai đoạn; sự ảnh hưởng của các đợt tiếp biến văn hóa đến các bộ phận cấu thành nền âm nhạc Việt Nam hiện nay.

Vai trò, ý nghĩa của âm nhạc gắn với con người Việt Nam trong cuộc sống lao động sản xuất, sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước và xây dựng cuộc sống mới.

25. MUS2024. Phân tích tác phẩm 1 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: MUS2062 Hòa thanh 1

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Phân tích tác phẩm 1 cung cấp những kiến thức cơ bản ban đầu về hình thức và thể loại âm nhạc như: Khái niệm về hình thức, thể loại; phương tiện diễn tả của âm nhạc; các hình thức âm nhạc cơ bản. Thực hành phân tích các trích đoạn/tác phẩm ở hình thức từ 1 đến 3 đoạn đơn.

26. MUS2079. Phân tích tác phẩm 2 (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: MUS2024 Phân tích tác phẩm 1

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Trang bị kiến thức về:

- Hình thức ba đoạn đơn.

- Hình thức ba đoạn phức.
- Hình thức rondo.
- Hình thức biến tấu.
- Giới thiệu hình thức sonate.

27. MUS2062. Hòa thanh 1 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: MUS2009 Lý thuyết âm nhạc 2

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp các nguyên tắc về sắp xếp bè, nối tiếp của các hợp âm ba chính và hợp âm 7 át theo phong cách hòa thanh cổ điển châu Âu:

- Các hợp âm ba chính gốc
- Thể đảo của các hợp âm ba
- Hợp âm bảy át
- Một số dạng kết

28. MUS2017. Ký xướng âm 1 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này chủ yếu giải quyết kỹ năng đọc xướng âm giọng C-dur và a-moll ở các loại nhịp 2/4, 3/4, 4/4 và 3/8, 6/8, 9/8 với các dạng trường độ, tiết tấu cơ bản; ghi âm các bài tập có cao độ, trường độ, tiết tấu đơn giản ở C-dur và a-moll. Bên cạnh đó, học phần này còn chú trọng luyện kỹ năng đọc các quãng diatonic (từ quãng 2 đến quãng 5) theo giọng, kỹ năng đọc tiết tấu bằng phương pháp đếm số.

29. MUS2018. Ký xướng âm 2 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: MUS2017 Ký xướng âm 1

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này chủ yếu giải quyết kỹ năng đọc xướng âm và ghi âm các giọng G dur, e moll, F dur, d moll với các dạng tiết tấu cơ bản kết hợp với đảo phách, nghịch phách. Bên cạnh đó, học phần này vẫn tiếp tục luyện kỹ năng đọc các quãng diatonic, kỹ năng đọc kết hợp gõ tiết tấu.

30. MUS2019. Ký xướng âm 3 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: MUS2018 Ký xướng âm 2

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này chủ yếu giải quyết kỹ năng đọc xướng âm và ghi âm các giọng D-dur, Des-dur; h-moll, b-moll; B-dur, H-dur; g-moll, gis-moll ở các loại nhịp 2/4, 3/4, 4/4 và 3/8, 6/8, 9/8 với các dạng trường độ cơ bản. Phần xướng âm có kĩ năng đọc tách biệt, ghi âm có kĩ năng ghi nhanh trên 2 khoá.

31. MUS2008. Lý thuyết âm nhạc 1 (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Lý thuyết âm nhạc 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về âm nhạc như: cao độ, trường độ, nhịp, quãng và hợp âm.

Học phần lý thuyết 1 được kết hợp chặt chẽ với với phần thực hành. Vì thế ngoài phần lý thuyết, sinh viên còn được rèn luyện kỹ năng làm các dạng bài tập như: bài tập về nhịp, quãng, hợp âm… điều đó giúp sinh viên nắm vững những kiến thức đã học đồng thời là cơ sở để áp dụng vào các học phần âm nhạc tiếp theo.

32. MUS2009. Lý thuyết âm nhạc 2 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: MUS2008 Lý thuyết âm nhạc 1

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Lý thuyết âm nhạc 2 tiếp tục cung cấp những kiến thức về điệu thức, giọng, quãng, hợp âm trong các giọng trưởng, giọng thứ và cách xác định giọng, dịch giọng bản nhạc.

Trong học phần này, sinh viên còn được tiếp cận với một số thang âm điệu thức âm nhạc dân gian như: thang âm điệu thức 5 âm Trung Quốc và thang âm điệu thức 5 âm Việt Nam. Từ đó sinh viên có thể vận dụng vào việc xác định điệu thức trong các bài dân ca.

Ngoài ra, học phần còn giúp giảng viên và sinh viên tiếp tục tìm hiểu những kiến thức lý thuyết âm nhạc mới trong âm nhạc hiện đại.

III.2. Các học phần tự chọn: 4/9 tín chỉ

33. MUS2030. Giới thiệu nhạc cụ (2 tín chí)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học giới thiệu các nội dung về:

- Các bộ trong dàn nhạc giao hưởng.
- Các loại dàn nhạc giao hưởng.
- Các nhạc cụ dân tộc tiêu biểu.
- Một số hình thức dàn nhạc dân gian.
- Một số nhạc cụ điện tử thông dụng.

34. PIA2001. Lịch sử nghệ thuật Piano (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Trang bị cho sinh viên các khái niệm, kiến thức về âm thanh, sắc thái, tính năng cơ bản của cây đàn Piano cổ, hiện đại, các loại đàn và phong cách biểu diễn qua các thời kì: tiền cổ điển, cổ điển, lãng mạn, cận đại.

Nội dung học phần gồm 5 chương:

Chương 1: Lịch sử đàn Piano

Chương 2: Nghệ thuật biểu diễn các tác phẩm Piano trong thời kì tiền cổ điển

Chương 3: Nghệ thuật biểu diễn các tác phẩm Piano trong thời kì cổ điển

Chương 4: Nghệ thuật biểu diễn các tác phẩm Piano trong thời kì lãng mạn

Chương 5: Nghệ thuật biểu diễn các tác phẩm Piano trong thời kì cận đại

35. PPE2002: Giáo dục học (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: PPE2004 Tâm lý học nghệ thuật

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung, khái quát và cơ bản nhất về Giáo dục học: giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt, các khái niệm cơ bản của Giáo dục học, các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục; chức năng xã hội và định hướng phát triển giáo dục thế kỷ XXI; giáo dục và sự phát triển cá nhân; mục đích, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam.

Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học và giáo dục.

Cung cấp những kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động giáo dục và công tác giáo viên chủ nhiệm lớp trong nhà trường phổ thông.

Hình thành cho sinh viên những quan điểm, niềm tin, động cơ, thái độ, hành vi, thói quen phù hợp với chuẩn mực xã hội; thiết kế được kế hoạch dạy học/ giáo dục để đạt được những kết quả tối ưu trong những điều kiện xã hội nhất định.

36. MUS2012. Sáng tác (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: MUS2024 Phân tích tác phẩm 1

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Giới thiệu về ngôn ngữ Sáng tác, Giới thiệu Mô-tip, hình tượng âm nhạc và ngôn ngữ kết hợp âm nhạc. Đặc điểm và tầm cữ các loại giọng hát, xây dựng âm hình. hướng dẫn phổ nhạc cho thơ. Cấu trúc hình thức một, hai, ba đoạn đơn và ngôn ngữ âm nhạc thiếu nhi. Yếu tố hình thành ca khúc nghệ thuật và thực hành.

IV. Khối kiến thức chuyên ngành (M4): 41 tín chỉ

IV. Các học phần bắt buộc: 36 tín chỉ

37. PIA2003* Piano chuyên ngành 1.1 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này giúp sinh viên củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật cơ bản khi chơi đàn Piano tạo tiền đề cho việc phát triển kỹ thuật, khả năng chơi đàn của sinh viên ở những năm học kế tiếp.

Củng cố và phát triển khả năng thị tấu, khả năng soạn bài cho sinh viên.

Học phần Piano chuyên ngành 1.1 cần đạt được những kiến thức sau:

+ Gam: Gam Âu, rải hợp âm, Gam 5 âm

+ Etude với cái kỹ thuật Piano: legato, nonlegato, staccato, octave, đúp nốt, tri….

+ Sử dụng pedal cơ bản.

+ Học các tác phẩm, sonate, phức điệu qua các thời kì và phong cách âm nhạc: tiền cổ điển, cổ điển, lãng mạn và cận đại.

38. *PIA2003. Piano chuyên ngành 1.2 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: PIA2003* Piano chuyên ngành 1.1

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này giúp sinh viên củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật cơ bản khi chơi đàn Piano tạo tiền đề cho việc phát triển kỹ thuật, khả năng chơi đàn của sinh viên ở những năm học kế tiếp.

Củng cố và phát triển khả năng thị tấu, khả năng soạn bài cho sinh viên.

Chú trọng cho sinh viên đi sâu vào việc thể xử lý tác phẩm, thể hiện tính chất, phong cách tác giả - tác phẩm dựa trên nền tảng kỹ thuật và kiến thức âm nhạc đã có.

Học phần Piano chuyên ngành 1.2 cần đạt được những kiến thức sau:

+ Gam: Gam Âu, rải hợp âm, Gam 5 âm, Gam bán cung

+ Etude với cái kỹ thuật Piano: legato, nonlegato, staccato, octave, đúp nốt, glissando, tri….

+ Sử dụng pedal cơ bản một cách thuần thục.

+ Học các tác phẩm, sonate, phức điệu qua các thời kì và phong cách âm nhạc: tiền cổ điển, cổ điển, lãng mạn và cận đại.

39. PIA2004*. Piano chuyên ngành 2.1 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: *PIA2003 Piano chuyên ngành 1.2

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Hoàn thiện các kỹ thuật cơ bản khi chơi đàn Piano, phát triển kỹ thuật, khả năng chơi đàn của sinh viên hướng tới việc làm chủ kỹ thuật chơi đàn.

Nâng cao khả năng thị tấu và khả năng tự soạn bài của sinh viên.

Học phần Piano chuyên ngành 2.1 cần đạt được những kiến thức sau:

+ Gam: Gam Âu, Gam ngũ cung, Gam bán cung, Hợp âm 3, Hợp âm 7 át

+ Etude với cái kỹ thuật Piano: legato, nonlegato, staccato, octave, đúp nốt, glissando, tri….

+ Sử dụng pedal cơ bản.

+ Học các tác phẩm, sonate, phức điệu qua các thời kì và phong cách âm nhạc: tiền cổ điển, cổ điển, lãng mạn và cận đại.

40.*PIA2004. Piano chuyên ngành 2.2 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: PIA2004* Piano chuyên ngành 2.1

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Hoc phần này giúp sinh viên Hoàn thiện các kỹ thuật cơ bản khi chơi đàn Piano, phát triển kỹ thuật, khả năng chơi đàn của sinh viên hướng tới việc làm chủ kỹ thuật chơi đàn

Nâng cao khả năng thị tấu và khả năng tự soạn bài của sinh viên

Chú trọng cho sinh viên đi sâu vào việc thể xử lý tác phẩm, thể hiện tính chất, phong cách tác giả - tác phẩm dựa trên nền tảng kỹ thuật và kiến thức âm nhạc đã có

Học phần Piano chuyên ngành 2.2 cần đạt được những kiến thức sau:

+ Gam: Gam Âu, Gam ngũ cung, Gam bán cung, Hợp âm 3, Hợp âm 7 át, Hợp am 7 giảm…..

+ Etude với cái kỹ thuật Piano: legato, nonlegato, staccato, octave, đúp nốt, glissando, tri….

+ Sử dụng pedal cơ bản.

+ Học các tác phẩm, sonate, phức điệu qua các thời kì và phong cách âm nhạc: tiền cổ điển, cổ điển, lãng mạn và cận đại

41. PIA2005*. Piano chuyên ngành 3.1 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: *PIA2004 Piano chuyên ngành 2.2

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này sinh viên tiếp tục hoàn thành các gam, hoàn thiện các hình thức kỹ thuật của Piano. Đặc biệt chú trọng cho sinh viên đi sâu vào việc thể hiện tính chất, phong cách tác giả - tác phẩm. Ngoài ra nâng cao khả năng sử dụng pedal, tăng cường tính tự nghiên cứu, dựng bài của sinh viên.

Học phần Piano chuyên ngành 3.1 cần đạt được những kiến thức sau:

+ Gam cách quãng 8, 4 (hoặc 5). Gam quãng 8, đúp nốt quãng 3, các gam rải và đảo. Gam ngũ cung

+ Bài etude với các kỹ thuật Piano: legato, nonlegato, staccato, octave, đúp nốt, glissando, tri….

+ Sử dụng pedal

+ Dựng bài tác phẩm, sonate, phức điệu….

42. *PIA2005. Piano chuyên ngành 3.2 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: PIA2005* Piano chuyên ngành 3.1

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này sinh viên tiếp tục hoàn thành các gam, hoàn thiện các hình thức kỹ thuật của Piano. Đặc biệt chú trọng cho sinh viên đi sâu vào việc thể hiện tính chất, phong cách tác giả - tác phẩm. Ngoài ra nâng cao khả năng sử dụng pedal, tăng cường tính tự nghiên cứu, dựng bài của sinh viên.

Học phần Piano chuyên ngành 3.1 cần đạt được những kiến thức sau:

+ Gam cách quãng 8, 4 (hoặc 5). Gam quãng 8, đúp nốt quãng 3, các gam rải và đảo. Gam ngũ cung

+ Bài etude với các kỹ thuật Piano: legato, nonlegato, staccato, octave, đúp nốt, glissando, tri….

+ Sử dụng pedal

+ Dựng bài tác phẩm, sonate, phức điệu….

43. PIA2006*: Piano chuyên ngành 4.1 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: *PIA2005 Piano chuyên ngành 3.2

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này sinh viên hoàn thành các gam với các kiểu đã học. Tiếp tục củng cố và nâng cao các vấn đề cơ bản để tiến đến hoàn thiện các hình thức kỹ thuật Piano.

Nâng cao trình độ thể hiện và quán xuyến tác phẩm, đặc biệt chú trọng cho sinh viên đi sâu vào việc thể hiện tính chất, phong cách tác giả - tác phẩm đạt được mức cao hơn (về sắc thái, tốc độ, tính chất). Phát huy cá tính, sở trường hướng tới định hình phong cách sinh viên.

Bồi dưỡng khả năng đệm, hòa tấu cho sinh viên dưới sự hướng dẫn và kiểm tra của giảng viên.

Học phần Piano chuyên ngành 4 cần đạt được những yêu cầu sau:

+ Gam cách quãng 8, 4 (hoặc 5); các kiểu gam rải và đảo (gam 7 át, 7 giảm, gam rải 11 kiểu). Gam đúp nốt quãng 3, gam quãng 8, gam ngũ cung…

+ Các bài etude với các kỹ thuật Piano: legato, nonlegato, staccato, octave, đúp nốt, glissando, tri….

+ Sử dụng pedal

+ Dựng bài Sonate, Concerto, phức điệu, tác phẩm tự do…..

44. *PIA2006: Piano chuyên ngành 4.2 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: PIA2006* Piano chuyên ngành 4.1

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này sinh viên hoàn thành các gam với các kiểu đã học. Tiếp tục củng cố và nâng cao các vấn đề cơ bản để tiến đến hoàn thiện các hình thức kỹ thuật Piano.

Nâng cao trình độ thể hiện và quán xuyến tác phẩm, đặc biệt chú trọng cho sinh viên đi sâu vào việc thể hiện tính chất, phong cách tác giả - tác phẩm đạt được mức cao hơn (về sắc thái, tốc độ, tính chất). Phát huy cá tính, sở trường hướng tới định hình phong cách sinh viên.

Bồi dưỡng khả năng đệm, hòa tấu cho sinh viên dưới sự hướng dẫn và kiểm tra của giảng viên.

Học phần Piano chuyên ngành 4 cần đạt được những yêu cầu sau:

+ Gam cách quãng 8, 4 (hoặc 5); các kiểu gam rải và đảo (gam 7 át, 7 giảm, gam rải 11 kiểu). Gam đúp nốt quãng 3, gam quãng 8, gam ngũ cung…

+ Các bài etude với các kỹ thuật Piano: legato, nonlegato, staccato, octave, đúp nốt, glissando, tri….

+ Sử dụng pedal

+ Dựng bài Sonate, Concerto, phức điệu, tác phẩm tự do…..

45. PIA2007*. Đệm thanh nhạc 1 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Trang bị cho người học kĩ năng đệm các bài Vocal đơn giản, các tác phẩm Concone hoặc Romance có phần đệm đơn giản; biết và phân tích được tính chất, thể loại; xác định được giọng, tốc độ của tác phẩm; xác định nhịp, âm hình đệm; luyện tập các bài Vocal, Concone, Romance đơn giản; kết hợp nhuần nhuyễn với người hát.

Củng cố và phát triển khả năng thị tấu.

Luyện tập với tốc độ chậm.

Chú ý sắc thái, phong cách tác phẩm.

46. PIA2008*. Đệm thanh nhạc 2 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: PIA2007* Đệm thanh nhạc 1

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Trang bị cho sinh viên khả năng tự đệm đàn các bài luyện thanh, các ca khúc nước ngoài ở hình thức cơ bản, đệm trên nhịp 2/4, 3/4, 4/4.

Phân tích cấu trúc tác phẩm, giọng, nhịp, đoạn.

Củng cố và phát triển khả năng thị tấu.

Luyện tập với tốc độ chậm và vừa phải

Đặc biệt chú trọng tới sắc thái, phong cách tác phẩm

47. PIA2009*. Đệm thanh nhạc 3 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: PIA2008* Đệm thanh nhạc 2

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Biết đệm một số bài dân ca Việt Nam và ca khúc Việt Nam có sẵn phần soạn đệm.

Phân tích cấu trúc tác phẩm, giọng, nhịp, đoạn.

Củng cố và phát triển khả năng thị tấu.

Đặc biệt chú trọng thể hiện sắc thái, phong cách tác phẩm

Luyện tập với tốc độ vừa và nhanh

48. PIA2010*. Đệm thanh nhạc 4 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: PIA2009* Đệm thanh nhạc 3

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Hiểu tác phẩm để xây dựng các câu dạo, đoạn dạo đệm cho các ca khúc Nhạc nhẹ..

Hoàn thiện khả năng thị tấu nhanh.

Hoàn thiện về tốc độ và sắc thái theo yêu cầu của tác phẩm

49. PIA2011*: Hòa tấu 1 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Hòa tấu 1 trang bị cho sinh viên khả năng chơi hòa tấu 4 tay các tác phẩm âm nhạc cổ điển, hiện đại, dân ca, ca khúc Việt Nam

Học phần gồm 3 chương:

Chương I: Hòa tấu tác phẩm quốc tế

Chương II: Hòa tấu ca khúc Việt Nam

Chương III: Hòa tấu các tác phẩm dân ca Việt Nam

50. PIA2012*. Hòa tấu 2 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: PIA2011* Hòa tấu 1

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Hòa tấu 2 trang bị cho sinh viên khả năng chơi hòa tấu piano cùng nhạc cụ khác cho tác phẩm âm nhạc cổ điển, hiện đại, dân ca.

Nội dung học phần gồm có 4 chương.

Chương I: Hòa tấu tác phẩm cổ điển

Chương II: Hòa tấu ca khúc Việt Nam, ca khúc nước ngoài từ 0 đến 3 dấu hóa

Chương III: Hòa tấu các tác phẩm dân ca Việt Nam

Chương IV: Hòa tấu các tác phẩm hòa tấu nước ngoài

51. PIA2013*: Hòa tấu 3 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: PIA2012* Hòa tấu 2

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Hòa tấu 3 trang bị cho sinh viên kỹ năng chơi cùng nhóm nhạc:

Tự soạn phần chơi cho mình trong nhóm nhạc, với những ca khúc Việt Nam, nước ngoài.

Nghe, nhận biết, phân tích tính chất, thể loại.

Ghi tổng phổ, phân phổ, đặt hòa âm

Xác định nhịp, tiết tấu, âm hình chơi trong tác phẩm

Kết hợp nhuần nhuyễn với các nhạc cụ khác trong nhóm nhạc.

Nội dung học phần gồm 3 chương:

Chương I: Chơi tam tấu những bài cổ điển đơn giản

Chương II: Chơi tứ tấu những tác phẩm cổ điển đơn giản

Chương III: Phương pháp dàn dựng các tác phẩm Việt Nam, nước ngoài cho nhóm tam tấu, ban nhạc.

52. PIA2014*. Hòa tấu 4 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: PIA2013* Hòa tấu 3

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng chơi cùng nhóm nhạc:

Phân tích màu sắc của các nhạc cụ để kết hợp nhuần nhuyễn với các nhóm nhạc

Ghi tổng phổ, phân phổ cho các nhạc cụ trong nhóm.

Nội dung học phần gồm 3 chương:

Chương I: Chơi tam tấu những bài cổ điển nâng cao

Chương II: Chơi tứ tấu những tác phẩm cổ điển nâng cao

Chương III: Dựng tác phẩm cho nhóm hòa tấu

53. PIA2015. Hòa thanh trên đàn 1 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học trang bị cho sinh viên nguyên tắc sắp xếp, nối tiếp hòa âm của các hợp âm 3 chính, 7 át; Nhớ được các hợp âm 3 phụ; Biết phối hòa âm 4 bè công năng hoặc giai điệu; Ứng dụng vào ca khúc.

Nội dung học phần gồm 3 chương:

Chương I: Khái quát về môn học

Khái niệm về hợp âm

Cách sắp xếp hợp âm 4 bè

Cách nối tiếp các hợp âm 3 chính

Phối công năng các hợp âm 3 chính ở thể gốc

Chương II: Phối cho giai điệu, bè trầm hợp âm 3 chính ở thể gốc

Các hợp âm 3 phụ hay sử dụng

Các hợp âm 7

Các cách nối tiếp

Chương III: Ứng dụng phối hòa âm cho ca khúc

54. PIA2016. Hòa thanh trên đàn 2 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: PIA2015 Hòa thanh trên đàn 1

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học trang bị cho sinh viên nguyên tắc sắp xếp, nối tiếp hòa âm của các hợp âm 3 chính, 7 át; Nhớ được các hợp âm 3 phụ; Biết phối hòa âm 4 bè công năng hoặc giai điệu; Ứng dụng vào ca khúc.

Nội dung học phần gồm 3 chương:

Chương I: Khái quát về môn học

Khái niệm về hợp âm

Cách sắp xếp hợp âm 4 bè

Cách nối tiếp các hợp âm 3 chính

Phối công năng các hợp âm 3 chính ở thể gốc

Chương II: Phối cho giai điệu, bè trầm hợp âm 3 chính ở thể gốc

Các hợp âm 3 phụ hay sử dụng

Các hợp âm 7

Các cách nối tiếp

Chương III: Ứng dụng phối hòa âm cho ca khúc

IV.2. Các môn học tự chọn: 5/9 tín chỉ

55. PIA2018. Kỹ năng nghe (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Bộ môn hướng đến cho học sinh có thể hiểu hơn về các tác phẩm thông qua việc được nghe được phân tích và đặc biệt là việc học sinh được thực hành dưới sự hướng dẫn của thầy cô chuyên ngành để thực hiện những so sánh trong các phương pháp biểu diễn khác nhau của tác phẩm kinh điển đó sẽ làm học sinh có sự tiến bộ vượt bậc trong chuyên ngành cũng như hiểu biết của mình trong sự phát triển của phương pháp biểu diễn Piano

Nội dung học phần gồm 4 chương

Chương I: Lịch sử phát triển và thay đổi của phương pháp biểu diễn qua từng thời kỳ

Chương II: Phương pháp phân tích tác phẩm và phân tích các phong cách biểu diễn

Chương III: Chọn lựa các tác phẩm phù hợp trong từng thời kỳ để cho học sinh có thể tiến hành nghe và thực hành để nâng cao trình độ chuyên môn của bản thân

Chương IV: Hướng dẫn học sinh có thể tự chọn lựa những phong cách phù hợp với bản thân để nâng cao trình độ chuyên môn

56. MUS2014. Thực tế sáng tác (2 tín chỉ)

+ Môn học tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học trang bị cho sinh viên có kiến thức sáng tác tác phẩm âm nhạc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế ở các trường phổ thông, các hoạt động sáng tác trong thực tiễn từ các chương trình biểu diễn, ngoại khóa...

57. PIA2017. Phương pháp dạy học Piano (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học trang bị cho sinh viên nắm được cơ sở lý luận về phương pháp sư phạm giảng dạy bộ môn Piano; những nguyên tắc chung của phương pháp sư phạm bộ môn Piano; giúp cho sinh viên hiểu được các phương pháp giảng dạy theo các giáo trình khác nhau cho sinh viên.

Nội dung học phần gồm 5 chương

Chương I: Phương pháp sư phạm bộ môn Piano

Chương II: Phương pháp sử dụng ngón tay, cổ tay và cánh tay

Chương III: Sự thả lỏng không căng cứng khi chơi đàn Piano

Chương IV: Sự đa dạng của học sinh và giáo trình

Chương V: Cho các sinh viên thực hành thực tập giảng dạy tại các trung tâm của trường

Chương VI: Xây dựng giáo trình giảng dạy bộ môn Piano.

58. PIA2027. Chuyên đề (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học trang bị cho sinh viên nắm được cơ sở lý luận - nắm vững những đặc điểm trong phong cách sáng tác, thời kỳ âm nhạc nhằm hỗ trợ các em trong quá trình hoàn thiện bài, khơi dậycác cảm xúc âm nhạc theo đúng tính chất tác phẩm. Ngoài ra, hướng dẫn sinh viên phương pháp vỡ bài: những nguyên tắc chung khi tiến hành tập luyện, những nguyên tắc riêng với từng thể loại âm nhạc để giúp sinh viên đẩy nhanh quá trình tập luyện phân tích, ghi nhớ. Đưa ra một số các ý kiến, kinh nghiệm của các chuyên gia trong việc tập luyện hòa tấu, piano vocal

Nội dung học phần gồm các chương

Chương I: Các thời kỳ âm nhạc và các nhạc sỹ sáng tác Piano tiêu biểu

Chương II: Các tác phẩm và thể loại sáng tác tiêu biểu cho Piano

Chương III: Phương pháp học bài Piano chuyên ngành

Chương IV: Phương pháp học hòa tấu và các kỹ năng cần thiết

Chương V: Phương pháp học piano vocal và kỹ năng cần thiết

V. Khối kiến thức thực tế, thực tập nghề nghiệp (M5): 6 tín chỉ

59. PIA2028: Thực tập nghề nghiệp 1 (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Thực hành biểu diễn, kỹ năng làm việc theo nhóm:

+ Lên kế hoạch làm việc cá nhân, kỹ năng phối hợp làm việc với nhóm nhạc, band nhạc

+ Nắm được phương thức xây dựng một chương trình biểu diễn, các khâu tổ chức biểu diễn một chương trình nghệ thuật.

+ Thực hiện và hoàn thành đầy đủ thu hoạch của thực tập chuyên môn, các bài tập trong quá trình thực tế của biểu diễn.

+ Tập trung nghiên cứu nâng cao chuyên môn trong biểu diễn.

60. PIA2029: Thực tập nghề nghiệp 2 (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: PIA2028 Thực tập nghề nghiệp 1

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Thực hành biểu diễn, kỹ năng làm việc theo nhóm:

+ Lên kế hoạch làm việc cá nhân, kỹ năng phối hợp làm việc với nhóm nhạc, band nhạc

+ Nắm được phương thức xây dựng một chương trình biểu diễn, các khâu tổ chức biểu diễn một chương trình nghệ thuật.

+ Thực hiện và hoàn thành đầy đủ thu hoạch của thực tập chuyên môn, các bài tập trong quá trình thực tế của biểu diễn.

+ Tập trung nghiên cứu nâng cao chuyên môn trong biểu diễn.

VI. Khối kiến thức cuối khóa (M6): 14 tín chỉ

61. PIA2022. Chương trình biểu diễn nghệ thuật (14 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Các học phần quy định

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Chương trình biểu diễn tốt nghiệp 8 tác phẩm theo quy định

4. Hướng dẫn thực hiện Chương trình đào tạo

4.1. Về tiến trình đào tạo

Người quản lý đào tạo cần căn cứ Khung chương trình để sắp xếp lịch học toàn khóa và thời khóa biểu mỗi học kỳ, cho sinh viên đăng kí môn học, vì tại đó đã ghi rõ tên khối kiến thức, tên môn học, số tín chỉ, loại giờ tín chỉ, môn tiên quyết nhằm đảm bảo được tính logic về quá trình nhận thức, đảm bảo được khối lượng kiến thức, thời lượng học tập hợp lý cho mỗi học kỳ, theo quy định của Quy chế.

Chương trình đào tạo cử nhân Piano được tổ chức triển khai theo mô hình đào tào kết hợp. Toàn bộ chương trình được triển khai thực hiện với sự phối hợp giữa trường ĐHSP Nghệ Thuật TW và các đơn vị tham gia đào tạo theo sự phân công của trường

Sau đây là dự kiến tiến trình đào tạo toàn khóa theo học kỳ:

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
I	**M1**	**Khối kiến thức chung**	**27**								
1	**POL2009**	Triết học Mác- Lênin	3	*							

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
2	**POL2010**	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2		*						
3	**POL2011**	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			*					
4	**POL2003**	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				*				
5	**POL2012**	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					*			
6	**INF2001**	Tin học cơ bản	2						*		
7	**CFL2001**	Tiếng Anh 1	4	*							
8	**CFL2002**	Tiếng Anh 2	3		*						
9	**PPE2010**	Giáo dục thể chất 1	2	*							
10	**PPE2011**	Giáo dục thể chất 2	3		*						
11	**POL2007**	Pháp luật đại cương	2			*					
12	**GDQP**	Giáo dục quốc phòng									
II	**M2**	**Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành**	**16**								
II.1		***Các môn học bắt buộc***	**11**								
13	CFL2005	Tiếng Anh chuyên ngành	2						*		
14	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2					*			
15	MUS2002	Mỹ học	2							*	
16	CLM2001	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3				*				

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
17	CLM2010	Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam	2					*			
II.2		***Các học phần tự chọn***	**5/9**								
18	MUS2078	Đại cương các loại hình nghệ thuật Genaral Arts	2							*	
19	PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp	3		*						
20	CLM2004	Lịch sử văn minh thế giới History of World civilization	2								
21	PPE2004	Tâm lý học nghệ thuật Psychology of Art	2								
III	**M3**	**Khối kiến thức cơ sở ngành**	**28**								
III.1		***Các học phần bắt buộc***	**24**								
22	MUS2060	Lịch sử âm nhạc thế giới 1 History of the world music 1	2			*					
23	MUS2061	Lịch sử âm nhạc thế giới 2 History of the world music 2	2				*				
24	MUS2056	Âm nhạc Việt Nam	2					*			

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
		Vietnam music									
25	MUS2024	Phân tích tác phẩm 1 Analysis of musical works 1	2				*				
26	MUS2079	Phân tích tác phẩm 2 Analysis of musical works 2	3					*			
27	MUS2062	Hòa thanh 1 Harmony 1	2			*					
28	MUS2017	Ký xướng âm 1	2	*							
29	MUS2018	Ký xướng âm 2	2		*						
30	MUS2019	Ký xướng âm 3	2			*					
31	MUS2008	Lý thuyết âm nhạc 1 Music theory 1	3	*							
32	MUS2009	Lý thuyết âm nhạc 2 Music theory 2	2		*						
III.2		***Các học phần tự chọn***	**4/9**								
33	MUS2030	Giới thiệu nhạc cụ Introduction to Musical instrument	2			*					
34	PIA2001	Lịch sử nghệ thuật Piano	2						*		
35	PPE2002	Giáo dục học Pedagogics (educators)	3								
36	MUS2012	Sáng tác Composition	2								

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
IV	**M4**	**Khối kiến thức chuyên ngành**	**41**								
IV. 1		***Các môn học bắt buộc***	**36**								
37	PIA2003*	Piano chuyên ngành 1.1	2	*							
38	*PIA2003	Piano chuyên ngành 1.2	2		*						
39	PIA2004*	Piano chuyên ngành 2.1	2			*					
40	*PIA2004	Piano chuyên ngành 2.2	2				*				
41	PIA2005*	Piano chuyên ngành 3.1	2					*			
42	*PIA2005	Piano chuyên ngành 3.2	2						*		
43	PIA2006*	Piano chuyên ngành 4.1	2							*	
44	*PIA2006	Piano chuyên ngành 4.2	2								*
45	PIA2007*	Đệm thanh nhạc 1	2	*							
46	PIA2008*	Đệm thanh nhạc 2	2			*					
47	PIA2009*	Đệm thanh nhạc 3	2					*			
48	PIA2010*	Đệm thanh nhạc 4	2							*	
49	PIA2011*	Hòa tấu 1	2	*							
50	PIA2012*	Hòa tấu 2	2			*					
51	PIA2013*	Hòa tấu 3	2					*			
52	PIA2014*	Hòa tấu 4	2							*	
53	PIA2015	Hòa thanh trên đàn 1	2				*				
54	PIA2016	Hòa thanh trên đàn 2	2					*			
IV. 2		***Các môn tự chọn***	***5/9***								
55	PIA2018	Kỹ năng nghe	2								

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
56	MUS2014	Thực tế sáng tác	2								
57	PIA2017	Phương pháp dạy học Piano	2								
58	PIA2027	Chuyên đề	3				*				
V	**M5**	***Khối kiến thức thực tế, thực tập nghề nghiệp***	**6**								
59	PIA2028	Thực tập nghề nghiệp 1	3						*		
60	PIA2029	Thực tập nghề nghiệp 2	3							*	
VI	**M6**	**Khối kiến thức cuối khóa**	**14**								
61	PIA2022	Chương trình biểu diễn nghệ thuật	14								*

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo:

BM in Music Performance: Piano (484637) MAP Sheet: Cử nhân biểu diễn âm nhạc: Thanh nhạc (mã 484630) lộ trình học các ngành Nghệ thuật và Truyền thông, Trường Âm nhạc

Chương trình cho sinh viên nhập học năm học 2022-2023: Đây là một chương trình tuyển sinh hạn chế cần có sự chấp thuận của bộ phận tuyển sinh. Hãy truy cập trang web music.byu.edu để biết thông tin về tuyển sinh hoặc liên hệ Văn phòng Trường Âm nhạc (C-550 HFAC, 801-422-8903) để biết thêm chi tiết. Bằng Cử nhân biểu diễn chuẩn bị cho sinh viên một hành trang để trở thành người biểu diễn chuyên nghiệp, hoặc giáo viên thanh nhạc, hoặc cả 2. Một số sẽ học nâng cao ở cấp độ sau đại học để chuẩn bị cho sự nghiệp biểu diễn hoặc giảng dạy đại học.

Khối kiến thức nền tảng và bắt buộc để tốt nghiệp				**Gợi ý trình tự học**			
Khối kiến thức đại cương bắt buộc				**Năm nhất**		**Năm ba**	
Bắt buộc	**Số môn học**	**Số TC**	**Tên lớp**	Kì 1		Kì 5	
Khối kiến thức nền tảng về tôn giáo				Nhập môn viết hoặc Di sản Mỹ	3.0	MUSIC 301	2.0
Những Lời giảng dạy và Giáo lý của sách Mặc-Môn	1	2.0	REL A 275	Nền văn minh 1(nên học MUSIC 201)	3.0	MUSIC 360R, 362R (FWSpSu)	2.0

Chúa Giê-su và Phúc âm đời đời	1	2.0	REL A 250	MUSIC 193, 195, 197 (FSp)	4.5	MUSIC 402A (F)	3.0
Đại cương về Phục sinh	1	2.0	REL C 225	MUSIC 206R, 262R (FWSpSu)	2.0	Hòa tấu đã được phê duyệt (FWSp)	1.0
Gia đình Thượng đế bất diệt	1	2.0	REL C 200	Hòa tấu đã được phê duyệt (FWSp) (Nên học MUSIC 316R)	1.0	Ngoại ngữ	4.0
Cá nhân và xã hội				Khối kiến thức nền tảng về tôn giáo	2.0	Khối kiến thức nền tảng về tôn giáo	2.0
Di sản Mỹ	1-2	3.0-6.0	A HTG 100 Nên học	**Tổng số TC**	**15.5**	**Tổng số TC**	**14.0**
Nhận thức về văn hóa và toàn cầu	1	2.0	MUSIC 307* hoặc từ danh sách được chấp thuận	Kì 2		Kì 6	
Các kĩ năng				Nhập môn viết hoặc Di sản Mỹ	3.0	MUSIC 302	2.0
Nhập môn viết	1	3.0	từ danh sách được chấp thuận	Nền văn minh 2(nên học MUSIC 201)	3.0	MUSIC 349 (FWSp)	0.0

Viết nâng cao và Giao tiếp bằng lời	1	3.0	WRTG 311 Nên học	MUSIC 194, 196, 198 (Wsu)	4.5	MUSIC 360R, 362R (FWSpSu)	2.0
Suy luận định lượng	0-1	0-3.0	từ danh sách được chấp thuận	MUSIC 206R, 262R (FWSpSu)	2.0	Hòa tấu đã được phê duyệt (FWSp)	1.0
Ngôn ngữ học thuật (Toán hoặc Ngôn ngữ)	1	3.0	MUSIC 395*	Hòa tấu đã được phê duyệt (FWSp) (Nên học MUSIC 316R)	1.0	Ngoại ngữ	4.0
Các môn nghệ thuật, văn học và khoa học				Khối kiến thức nền tảng về tôn giáo	2.0	Môn tôn giáo tự chọn	2.0
Nền văn minh 1	1	3.0	MUSIC 201 Nên học	**Tổng số TC**	**15.5**	MUSIC 363	4.0
Nền văn minh 2	1	3.0	MUSIC 202 Nên học	**Năm hai**		**Tổng số TC**	**15.5**
Các môn nghệ thuật	1	3.0	MUSIC 196*	Kì 3		**Năm cuối**	
Văn học	1	3.0	từ danh sách được chấp thuận	MUSIC 221 (FSp)	2.0	Kì 7	
Khoa học sinh học	1	3.0-4.0	BIO 100 Nên học	MUSIC 235B (FWSp)	2.0	MUSIC 303	2.0

Khoa học vật lý	1-2	3.0-7.0	PHY S 100 Nên học	MUSIC 260R, 262R (FWSpSu)	2.0	MUSIC 360R, 362R (FWSpSu)	2.0
Khoa học xã hội	1	3.0	từ danh sách được chấp thuận	MUSIC 293, 295,297 (FWSp)	4.5	MUSIC 472	2.0
Các môn tự chọn cốt lõi				Hòa tấu đã được phê duyệt (FWSp)	1.0	Hòa tấu đã được phê duyệt (FWSp)	1.0
Các môn tôn giáo tự chọn	3-4	6.0		Khối kiến thức nền tảng về tôn giáo	2.0	Môn tôn giáo tự chọn	2.0
Các môn tự chọn mở				Khối kiến thức giáo dục chung	3.0	Khối kiến thức giáo dục chung	6.0
NHỮNG KHÓA HỌC NÀY ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU CỐT LÕI CỦA CHƯƠNG TRÌNH VÀ CỐT LÕI CỦA ĐẠI HỌC. Đối với các câu hỏi về Chương trình/Lõi Đại học, hãy liên hệ với trung tâm tư vấn. Đối với câu hỏi				**Tổng số TC**	**16.5**	**Tổng số TC**	**16.0**

nghề nghiệp, hãy hỏi cố vấn học tập của Khoa chuyên môn.							
YÊU CẦU TỐT NGHIỆP				Kì 4		Kì 8	
Số tín chỉ có mặt tối thiểu		30		MUSIC 222(W)	2.0	MUSIC 360R, 362R (FWSpSu)	2.0
Số tín chỉ cần thiết tối thiểu để tốt nghiệp		120		MUSIC 260R, 262(FWSpSu)	2.0	MUSIC 449 (FWSp)	1.0
				MUSIC 293, 295,297 (FWSp)	4.5	Hòa tấu đã được phê duyệt (FWSp)	1.0
				Hòa tấu đã được phê duyệt (FWSp)	3.0	Khối kiến thức giáo dục chung	9.0
				Khối kiến thức nền tảng về tôn giáo	3.0	MUSIC 307 hoặc 308	2.0
				Khối kiến thức giáo dục chung	1.0	**Tổng số TC**	**15.0**
				Môn tôn giáo tự chọn	2.0		
				Tổng số TC	**17.5**		
				Lưu ý: Sinh viên nên hoàn thành khoảng 16 tín chỉ mỗi học kì, tương đương 32 tín chỉ một năm, bao gồm cả kì xuân/hè. Học ít tín chỉ hơn có thể gây ra tăng số kì học, dẫn đến chậm tốt nghiệp và tăng học phí phải đóng.			

PHẦN IX: GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				Ghi chú
				Họ và tên	*Chức danh khoa học, năm phong*	*Trình độ, nước, năm tốt nghiệp*	*Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	
I	**M1**	**Khối kiến thức chung**	**27**					
1	**POL2009**	Triết học Mác - Lênin	3	1. Đinh Văn Hoàng 2. Phạm Ngọc Anh		ThS ThS	Triết học CNXHKH	
2	**POL2010**	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1. Nguyễn Thị Huyền 2. Trịnh Anh Tuân		ThS TS	KTCT Kinh tế	
3	**POL2011**	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1. Đinh Văn Hoàng 2. Phạm Ngọc Anh		ThS ThS	Triết học CNXHKH	

4	**POL2003**	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1. Phạm Ngọc Anh 2. Mai Thanh Hồng		ThS ThS	CNXHKH Lịch sử	
5	**POL2013**	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1. Mai Thanh Hồng 2. Phạm Ngọc Anh		ThS ThS	Lịch sử CNXHKH	
6	**INF2001**	Tin học cơ bản	**2**	1. Lê Mạnh Hùng 2.Bùi Ngọc Hưng 3. Vũ Việt Hoàng 4. Dương Thanh Long		1. Thạc sỹ-2014 2.Thạc sỹ-2015 3.Thạc sỹ-2021 4.Thạc sỹ-2017	1.Quản trị kinh doanh 2.Quản lý Giáo dục 3.Công nghệ thông tin 4.Khoa học máy tính	

7	**CFL2001**	Tiếng Anh 1	**4**	1. Nguyễn Thị Ân 2. Phạm Thị Ngọc Bích 3. Nguyễn Thanh Dung 4. Trịnh Thị Hà 5. Hoàng Thị Thu Hằng 6. Lê Thị Hiền 7. Ngô Thị Hòa 8. Trương Tố Loan 9. Phạm Thị Lý		1. Thạc sỹ-2015 2. Thạc sỹ-2011 3. Tiến sỹ-2017 4. Tiến sỹ -2017 5. Thạc sỹ-2016 6. Thạc sỹ-2007 7. Thạc sỹ-2014 8. Tiến sỹ-2021 9. Thạc sỹ-2016	1. LL&PP dạy tiếng Anh 2. LL&PP dạy tiếng Anh. 3. NN học so sánh, đối chiếu. 4. TS Quản lý giáo dục. 5. LL&PP dạy tiếng Anh. 6. Ngôn ngữ Anh 7. Ngôn ngữ Anh 8. Quản lý giáo dục. 9. Ngôn ngữ Anh	

8	**CFL2002**	Tiếng Anh 2	**3**	1. Nguyễn Thị Ân 2. Phạm Thị Ngọc Bích 3. Nguyễn Thanh Dung 4. Trịnh Thị Hà 5. Hoàng Thị Thu Hằng 6. Lê Thị Hiền 7. Ngô Thị Hòa 8. Trương Tố Loan 9. Phạm Thị Lý		1. Thạc sỹ-2015 2. Thạc sỹ-2011 3. Tiến sỹ-2017 4. Tiến sỹ -2017 5. Thạc sỹ-2016 6. Thạc sỹ-2007 7. Thạc sỹ-2014 8. Tiến sỹ-2021 9. Thạc sỹ-2016	1. LL&PP dạy tiếng Anh 2. LL&PP dạy tiếng Anh. 3. NN học so sánh, đối chiếu. 4. TS Quản lý giáo dục. 5. LL&PP dạy tiếng Anh. 6. Ngôn ngữ Anh 7. Ngôn ngữ Anh 8. Quản lý giáo dục. 9. Ngôn ngữ Anh	

9	**PPE2010**	Giáo dục thể chất 1	2	1. Phạm Minh Tuấn 2. Bùi Thị Ánh Tuyết 3. Bùi Thị Huyền 4. Nguyễn Minh Trâm 5. Lê Việt Hùng 6. Phạm Thị Huyền Tran		ThS ThS ThS ThS ThS ThS	Quản lý giáo dục Giáo dục thể chất GDTC GDTC GDTC GDTC	
10	**PPE2011**	Giáo dục thể chất 2	3	1. Phạm Minh Tuấn 2. Bùi Thị Ánh Tuyết 3. Bùi Thị Huyền 4. Nguyễn Minh Trâm 5. Lê Việt Hùng Phạm Thị Huyền Trang		ThS ThS ThS ThS ThS ThS	Quản lý giáo dục Giáo dục thể chất GDTC GDTC GDTC GDTC	
11	**POL2007**	Pháp luật Đại cương	**2**	1. Nguyễn Thị Thanh Thủy 6. 2. Lê Thị Nguyên		ThS ThS	Luật học Luật học	
12	**GDQP**	Giáo dục quốc phòng		Trung tâm GDQP				
II	**M2**	**Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành**	**16**					

II.1		***Các môn học bắt buộc***	**11**					
13	CFL2005	Tiếng Anh chuyên ngành	2	1. Nguyễn Thị Ân 2. Phạm Thị Ngọc Bích 3. Nguyễn Thanh Dung 4. Trịnh Thị Hà		1. ThS, 2015 2. ThS, 2011 3. TS, 2017 4. TS, 2017	1. LL&PPdạy tiếng Anh 2. LL&PP dạy tiếng Anh 3. NN học so sánh, đối chiếu 4. TS Quản lý giáo dục	
				5. Hoàng Thị Thu Hằng 6. Lê Thị Hiền 7. Ngô Thị Hòa 8. Trương Tố Loan 9. Phạm Thị Lý		5. ThS, 2016 6. ThS, 2007 7. ThS, 2014 8. TS, 2021 9. ThS, 2016	5. LL&PP dạy tiếng Anh. 6. Ngôn ngữ Anh 7. Ngôn ngữ Anh 8. Quản lý giáo dục. 9. Ngôn ngữ Anh	
14	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1. Nguyễn Mai Hương 2. Đỗ Ánh Tuyết 3. Lương Thị Thanh Hải 4. Nguyễn Quỳnh Trang		1. TS, 2016 2. ThS, 2008 3. TS, 2018 4. ThS, 2009	1. Tâm lý học 2. Tâm lý học 3. Tâm lý học 4. Tâm lý học	

15	MUS2002	Mỹ học	2	1.Đào Thị Thúy Anh 2.Trần Thị Vân		TS ThS	Nghệ thuật Mỹ thuật	
III.1		***Các học phần bắt buộc***	**24**					
16	CLM2001	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	1. Hoàng Công Dụng 2. Nguyễn T. Thanh Loan 3. Tráng Thị Thúy 4. Vũ Thị Thái Hoa 5. Nông Thị Thanh Thúy 6. Nguyễn Đức Hoàng		TS, 2019 TS, 2020 ThS- 2010 ThS- 2013 ThS TS, 2019	Quản lý văn hóa Văn hóa học Văn hóa học Văn hóa học Văn hóa học Văn hóa học	
17	CLM2010	Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam	2	1. Nguyễn Hữu Thức 2. Nguyễn T. Thanh Loan 3. Vũ Thị Thái Hoa		PGS.TS TS, 2020 ThS-2013	Văn hóa học Văn hóa học Văn hóa học	
II.2		***Các học phần tự chọn***	**5/9**					
18	MUS2078	Đại cương các loại hình nghệ thuật Genaral Arts	2	1.Đào Thị Thúy Anh 2.Trần Thị Vân		TS ThS	Nghệ thuật Mỹ thuật	
19	PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp	3	. Novaedu				

20	CLM2004	Lịch sử văn minh thế giới History of World civilization	2	1.Vũ Thị Thái Hoa . 2. Nông Thị Thanh Thúy		ThS, 2013 ThS, 2010	Văn hóa học Văn hóa học	
21	PPE2004	Tâm lý học nghệ thuật Psychology of Art	2	1.Nguyễn Mai Hương 2. Nguyễn Thị Duyên . 3.Nguyễn Quỳnh Trang		Tiến sĩ, 2016 Thạc sĩ, 2010 Thạc sĩ, 2009	Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học	
III	**M3**	**Khối kiến thức cơ sở ngành**	**28**					
21	MUS2060	Lịch sử âm nhạc thế giới 1 History of the world music 1	2	1. Nguyễn Thị Tố Mai 2. Đoàn Thị Thu Hà 3. Trần T Thanh Hương 4. Nghiêm T Hồng Hà	1.PGS, 2014	1. TS, 2011 2. ThS, 2013 3. ThS, 2010 4. ThS, 2011	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2. Văn hóa học 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Nghệ thuật Âm nhạc	
22	MUS2061	Lịch sử âm nhạc thế giới 2 History of the world music 2	2	1. Nguyễn Thị Tố Mai 2. Đoàn Thị Thu Hà 3. Trần T Thanh Hương 4. Nghiêm T Hồng Hà	PGS, 2014	1. TS, 2011 2. ThS, 2013 3. ThS, 2010 4. ThS, 2011	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2. Văn hóa học 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Nghệ thuật Âm nhạc	

23	MUS2056	Âm nhạc Việt Nam Vietnam music	2	1. Phạm Thu Hường 2. NguyễnThị Thu Trang A 3. Nguyễn T Phương Mai		1. ThS, 2011 2. ThS, 2011 3. ThS, 2011	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2. Nghệ thuật Âm nhạc 3. Nghệ thuật Âm nhạc	
24	MUS2024	Phân tích tác phẩm 1 Analysis of musical works 1	2	1. Nguyễn Khải 2. Nguyễn Thành Vinh 3. Phạm Thu Hường 4. Nguyễn Hồng Trang 5. Nguyễn Thị Thu Trang B		1. ThS, 2015 2. ThS, 2011 3. ThS, 2011 4. ThS, 2013 5. ThS, 2014	1. LL &PPDHAN 2. Sáng tác 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Âm nhạc học 5. Âm nhạc học	
25	MUS2079	Phân tích tác phẩm 2 Analysis of musical works 2	3	1. Nguyễn Khải 2. Nguyễn Thành Vinh 3. Nguyễn Hồng Trang 4. Phạm Thu Hường 5. Nguyễn Thị Thu Trang B 6. Trần Thanh Hương		1. ThS, 2015 2. ThS, 2011 3. ThS, 2013 4. ThS, 2011 5. ThS, 2014 6. ThS, 2010	1. LL &PPDHAN 2. Sáng tác 3. Âm nhạc học 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Âm nhạc học 6. Nghệ thuật Âm nhạc	

26	MUS2062	Hòa thanh 1 Harmony 1	2	1. Nguyễn Khải 2. Nguyễn Thành Vinh 3. Nguyễn Hồng Trang 4. Phạm Thu Hường 5. Nguyễn Thị Thu Trang B		1. ThS, 2015 2. ThS, 2011 3. ThS, 2013 4. ThS, 2011 5. ThS, 2014	1. LL &PPDHAN 2. Sáng tác 3. Âm nhạc học 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Âm nhạc học	
27	MUS2017	Ký xướng âm 1	2	1. Mai Linh Chi 2. Vũ Kim Thu 3. Nguyễn Phương Mai 4. Khuất Duy Nhã 5. Trần Thanh Hương 6. Trần Thị Thu Trang 7. Nguyễn Hồng Trang 8. Nguyễn Đức Linh		1. ThS, 2011 2. ThS, 2011 3. ThS, 2011 4. ThS, 2010 5. ThS, 2010 6. ThS, 2011 7. ThS, 2011 8. ThS, 2015	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2 Nghệ thuật Âm nhạc 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Nghệ thuật Âm nhạc 6. Nghệ thuật Âm nhạc 7. Nghệ thuật Âm nhạc 8. LL & PPDH Âm nhạc	
				9. Nghiêm Thị Hồng Hà 10. Nguyễn Thị Thu Trang B		9. ThS, 2011 10. ThS, 2014	9. Nghệ thuật Âm nhạc 10. Âm nhạc học	

28	MUS2018	Ký xướng âm 2	2	1. Mai Linh Chi 2. Vũ Kim Thu 3. Nguyễn Phương Mai 4. Khuất Duy Nhã 5. Trần Thanh Hương 6. Trần Thị Thu Trang 7. Nguyễn Hồng Trang 8. Nguyễn Đức Linh 9. Nghiêm Thị Hồng 10. Nguyễn Thị Thu Trang B		1. ThS, 2011 2. ThS, 2011 3.ThS, 2011 4. ThS, 2010 5. ThS,2010 6. ThS, 2011 7. ThS, 2013 8. ThS, 2015 9. ThS, 2011 10. ThS, 2014	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2. Nghệ thuật Âm nhạc 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Nghệ thuật Âm nhạc 6. Nghệ thuật Âm nhạc 7. Nghệ thuật Âm nhạc 8. LL & PPDH Âm nhạc 9. Nghệ thuật Âm nhạc 10. Âm nhạc học	
29	MUS2019	Ký xướng âm 3	2	1. Mai Linh Chi 2. Vũ Kim Thu 3. Nguyễn Phương Mai 4. Khuất Duy Nhã 5. Trần Thanh Hương 6. NguyễnThị Thu Trang A				

				7. Nghiêm Thị Hồng Hà		1. ThS, 2011 2. ThS, 2011 3. ThS, 2011 4. ThS, 2010 5. ThS, 2010 6. ThS, 2011 7. ThS, 2011	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2. Nghệ thuật Âm nhạc 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Chuyên ngành Sáng tác 5. Nghệ thuật Âm nhạc 6. Nghệ thuật Âm nhạc 7. Nghệ thuật Âm nhạc	
30	MUS2008	Lý thuyết âm nhạc 1 Music theory 1	3	1. Mai Linh Chi 2. Vũ Kim Thu 3. Nguyễn Phương Mai 4. Trần Thị Thanh Hương 5. Phạm Thu Hường 6. NguyễnThị Thu Trang A 7. Nguyễn Thị Thu Trang B		1. ThS, 2011 2. ThS, 2011 3. ThS, 2011 4. ThS, 2010 5. ThS, 2011 6. ThS, 2011 7. ThS, 2014	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2. Nghệ thuật Âm nhạc 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Nghệ thuật Âm nhạc 6. Nghệ thuật Âm nhạc 7. Âm nhạc học	

31	MUS2009	Lý thuyết âm nhạc 2 Music theory 2	2	1. Mai Linh Chi 2. Vũ Kim Thu 3. Nguyễn Phương Mai 4. Trần T Thanh Hương 5. Phạm Thu Hường 6. NguyễnThị Thu Trang A 7. Nguyễn Thị Thu Trang B		1. ThS, 2011 2. ThS, 2011 3. ThS, 2011 4. ThS, 2010 5. ThS, 2011 6. ThS, 2011 7. ThS, 2014	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2 Nghệ thuật Âm nhạc 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Nghệ thuật Âm nhạc 6. Nghệ thuật Âm nhạc 7. Âm nhạc học	
III.2		***Các học phần tự chọn***	**4/9**					
32	MUS2030	Giới thiệu nhạc cụ Introduction to Musical instrument	2	1. Nguyễn Khải 2. Nguyễn Hồng Trang 3. Nguyễn Đức Linh 4. Nguyễn Thành Vinh 5. Phạm Xuân Danh 6. Nguyễn Thị Lệ Huyền		1. ThS, 2015 2. ThS, 2013 3. ThS, 2015 4. ThS, 2011 5. ThS, 2018 6. ThS, 2015	1. LL & PPDH Âm nhạc 2. Âm nhạc học 3. LL&PPDH Âm nhạc 4. Sáng tác 5. LL&PPDH Âm nhạc 6. LL&PPDH Âm nhạc	
33	PIA2001	Lịch sử nghệ thuật Piano	2	1. Đinh Công Hải 2. Lại Thị Phương Thảo 3. Bùi Đăng Khánh 4. Trần Vương Thanh 5. Đỗ Thanh Nhàn		1. ThS 2. ThS 3. ThS 4. TS 5. TS	1. Biểu diễn Piano 2. Biểu diễn Piano 3. Biểu diễn Piano 4. Âm nhạc học 5. Âm nhạc học	

34	PPE2002	Giáo dục học Pedagogics (educators)	3	1. Nguyễn Thị Tuyết Nhung 2. Nguyễn Thị Duyên 3. Đỗ Ánh Tuyết 4. Nguyễn Mai Hương		1. ThS, 2009 2. ThS, 2010 3. ThS, 2008 4. TS, 2016	1. Giáo dục học 2. Tâm lý học 3. Tâm lý học 4. Tâm lý học	
35	MUS2012	Sáng tác Composition	2	1. Lương Minh Tân 2. Khuất Duy Nhã 3. Nguyễn Thành Vinh 4. Phạm Xuân Danh		1. ThS, 2010 2. ThS, 2010 3. ThS, 2013 4. ThS, 2018	1. Sáng tác 2. Sáng tác 3. Sáng tác 4. LL&PPDHAN	
IV	**M4**	**Khối kiến thức chuyên ngành**	**41**	.				
IV.1		***Các môn học bắt buộc***	**36**	.				

36	PIA2003*	Piano chuyên ngành 1.1	2	1. Đinh Công Hải 2. Lại Thị Phương Thảo 3. Hà Cẩm Vân 4. Lê Hải Thuận 5. Lê Nam 6. Nghiêm Thị Hà Ngân 7. Hồ Thị Ngọc Hà 8. Đoàn Lê Phan Anh		1. ThS 2. ThS 3. ThS 4. ThS 5. ThS 6. ThS 7. ThS 8. ThS	1. Biểu diễn Piano 2. Biểu diễn Piano 3. Biểu diễn Piano 4. LL&PPDH Âm nhạc 5. LL&PPDH Âm nhạc 6. Biểu diễn Piano 7. Biểu diễn Piano 8. Biểu diễn Piano	
37	*PIA2003	Piano chuyên ngành 1.2	2	1. Đinh Công Hải 2. Lại Thị Phương Thảo 3. Hà Cẩm Vân 4. Lê Hải Thuận 5. Lê Nam 6. Nghiêm Thị Hà Ngân 7. Hồ Thị Ngọc Hà 8. Đoàn Lê Phan Anh		1. ThS 2. ThS 3. ThS 4. ThS 5. ThS 6. ThS 7. ThS 8. ThS	1. Biểu diễn Piano 2. Biểu diễn Piano 3. Biểu diễn Piano 4. LL&PPDH Âm nhạc 5. LL&PPDH Âm nhạc 6. Biểu diễn Piano 7. Biểu diễn Piano 8. Biểu diễn Piano	

38	PIA2004*	Piano chuyên ngành 2.1	2	1. Đinh Công Hải 2. Lại Thị Phương Thảo 3. Hà Cẩm Vân 4. Lê Hải Thuận 5. Lê Nam 6. Nghiêm Thị Hà Ngân 7. Hồ Thị Ngọc Hà 8. Đoàn Lê Phan Anh		1. ThS 2. ThS 3. ThS 4. ThS 5. ThS 6. ThS 7. ThS 8. ThS	1. Biểu diễn Piano 2. Biểu diễn Piano 3. Biểu diễn Piano 4. LL&PPDH Âm nhạc 5. LL&PPDH Âm nhạc 6. Biểu diễn Piano 7. Biểu diễn Piano 8. Biểu diễn Piano	
39	*PIA2004	Piano chuyên ngành 2.2	2	1. Đinh Công Hải 2. Lại Thị Phương Thảo 3. Hà Cẩm Vân 4. Lê Hải Thuận 5. Lê Nam 6. Nghiêm Thị Hà Ngân 7. Hồ Thị Ngọc Hà 8. Đoàn Lê Phan Anh		1. ThS 2. ThS 3. ThS 4. ThS 5. ThS 6. ThS 7. ThS 8. ThS	1. Biểu diễn Piano 2. Biểu diễn Piano 3. Biểu diễn Piano 4. LL&PPDH Âm nhạc 5. LL&PPDH Âm nhạc 6. Biểu diễn Piano 7. Biểu diễn Piano 8. Biểu diễn Piano	

40	PIA2005*	Piano chuyên ngành 3.1	2	1. Đinh Công Hải 2. Lại Thị Phương Thảo 3. Hà Cẩm Vân 4. Lê Hải Thuận 5. Lê Nam 6. Nghiêm Thị Hà Ngân 7. Hồ Thị Ngọc Hà 8. Đoàn Lê Phan Anh		1. ThS 2. ThS 3. ThS 4. ThS 5. ThS 6. ThS 7. ThS 8. ThS	1. Biểu diễn Piano 2. Biểu diễn Piano 3. Biểu diễn Piano 4. LL&PPDH Âm nhạc 5. LL&PPDH Âm nhạc 6. Biểu diễn Piano 7. Biểu diễn Piano 8. Biểu diễn Piano	

41	*PIA2005	Piano chuyên ngành 3.2	2	1. Đinh Công Hải 2. Lại Thị Phương Thảo 3. Hà Cẩm Vân 4. Lê Hải Thuận 5. Lê Nam 6. Nghiêm Thị Hà Ngân 7. Hồ Thị Ngọc Hà 8. Đoàn Lê Phan Anh		1. ThS 2. ThS 3. ThS 4. ThS 5. ThS 6. ThS 7. ThS 8. ThS	1. Biểu diễn Piano 2. Biểu diễn Piano 3. Biểu diễn Piano 4. LL&PPDH Âm nhạc 5. LL&PPDH Âm nhạc 6. Biểu diễn Piano 7. Biểu diễn Piano 8. Biểu diễn Piano	

42	PIA2006*	Piano chuyên ngành 4.1	2	1. Đinh Công Hải 2. Lại Thị Phương Thảo 3. Hà Cẩm Vân 4. Lê Hải Thuận 5. Lê Nam 6. Nghiêm Thị Hà Ngân 7. Hồ Thị Ngọc Hà 8. Đoàn Lê Phan Anh		1. ThS 2. ThS 3. ThS 4. ThS 5. ThS 6. ThS 7. ThS 8. ThS	1. Biểu diễn Piano 2. Biểu diễn Piano 3. Biểu diễn Piano 4. LL&PPDH Âm nhạc 5. LL&PPDH Âm nhạc 6. Biểu diễn Piano 7. Biểu diễn Piano 8. Biểu diễn Piano	

43	*PIA2006	Piano chuyên ngành 4.2	2	1. Đinh Công Hải 2. Lại Thị Phương Thảo 3. Hà Cẩm Vân 4. Lê Hải Thuận 5. Lê Nam 6. Nghiêm Thị Hà Ngân 7. Hồ Thị Ngọc Hà 8. Đoàn Lê Phan Anh		1. ThS 2. ThS 3. ThS 4. ThS 5. ThS 6. ThS 7. ThS 8. ThS	1. Biểu diễn Piano 2. Biểu diễn Piano 3. Biểu diễn Piano 4. LL&PPDH Âm nhạc 5. LL&PPDH Âm nhạc 6. Biểu diễn Piano 7. Biểu diễn Piano 8. Biểu diễn Piano	

44	PIA2007*	Đệm thanh nhạc 1	2	1. Đinh Công Hải 2. Lại Thị Phương Thảo 3. Hà Cẩm Vân 4. Lê Hải Thuận 5. Lê Nam 6. Nghiêm Thị Hà Ngân 7. Trần Quốc Thùy 8. Bùi Đăng Khánh 9. Hồ Thị Ngọc Hà 10. Bùi Duy Anh		1. ThS 2. ThS 3. ThS 4. ThS 5. ThS 6. ThS 7. ThS 8. ThS 9. ThS 10. ThS	1. Biểu diễn Piano 2. Biểu diễn Piano 3. Biểu diễn Piano 4. LL&PPDH Âm nhạc 5. LL&PPDH Âm nhạc 6. Biểu diễn Piano 7. LL&PPDH Âm nhạc 8. Biểu diễn Piano 9. Biểu diễn Piano 10. LL&PPDH Âm nhạc	
45	PIA2008*	Đệm thanh nhạc 2	2	1. Đinh Công Hải 2. Lại Thị Phương Thảo 3. Hà Cẩm Vân 4. Lê Hải Thuận		1. ThS 2. ThS 3. ThS 4. ThS	1. Biểu diễn Piano 2. Biểu diễn Piano 3. Biểu diễn Piano 4. LL&PPDH Âm nhạc	

				5. Lê Nam 6. Nghiêm Thị Hà Ngân 7. Trần Quốc Thùy 8. Bùi Đăng Khánh 9. Hồ Thị Ngọc Hà 10. Bùi Duy Anh		5. ThS 6. ThS 7. ThS 8. ThS 9. ThS 10. ThS	5. LL&PPDH Âm nhạc 6. Biểu diễn Piano 7. LL&PPDH Âm nhạc 8. Biểu diễn Piano 9. Biểu diễn Piano 10. LL&PPDH Âm nhạc	
46	PIA2009*	Đệm thanh nhạc 3	2	1. Đinh Công Hải 2. Lại Thị Phương Thảo 3. Hà Cẩm Vân 4. Lê Hải Thuận 5. Lê Nam 6. Nghiêm Thị Hà Ngân 7. Trần Quốc Thùy 8. Bùi Đăng Khánh 9. Hồ Thị Ngọc Hà 10. Bùi Duy Anh		1. ThS 2. ThS 3. ThS 4. ThS 5. ThS 6. ThS 7. ThS 8. ThS 9. ThS 10. ThS	1. Biểu diễn Piano 2. Biểu diễn Piano 3. Biểu diễn Piano 4. LL&PPDH Âm nhạc 5. LL&PPDH Âm nhạc 6. Biểu diễn Piano 7. LL&PPDH Âm nhạc 8. Biểu diễn Piano 9. Biểu diễn Piano 10. LL&PPDH Âm nhạc	

47	PIA2010*	Đệm thanh nhạc 4	2	1. Đinh Công Hải 2. Lại Thị Phương Thảo 3. Hà Cẩm Vân 4. Lê Hải Thuận 5. Lê Nam 6. Nghiêm Thị Hà Ngân 7. Trần Quốc Thùy 8. Bùi Đăng Khánh 9. Hồ Thị Ngọc Hà 10. Bùi Duy Anh		1. ThS 2. ThS 3. ThS 4. ThS 5. ThS 6. ThS 7. ThS 8. ThS 9. ThS 10. ThS	1. Biểu diễn Piano 2. Biểu diễn Piano 3. Biểu diễn Piano 4. LL&PPDH Âm nhạc 5. LL&PPDH Âm nhạc 6. Biểu diễn Piano 7. LL&PPDH Âm nhạc 8. Biểu diễn Piano 9. Biểu diễn Piano 10. LL&PPDH Âm nhạc	
48	PIA2011*	Hòa tấu 1	2	1. Đinh Công Hải 2. Lại Thị Phương Thảo 3. Hà Cẩm Vân 4. Lê Hải Thuận 5. Lê Nam 6. Nghiêm Thị Hà Ngân 7. Hồ Thị Ngọc Hà 8. Trần Hà Mi 9. Nguyễn Thị Hiền Anh		1. ThS 2. ThS 3. ThS 4. ThS 5. ThS 6. ThS 7. ThS 8. ThS 9. TS	1. Biểu diễn Piano 2. Biểu diễn Piano 3. Biểu diễn Piano 4. LL&PPDH Âm nhạc 5. LL&PPDH Âm nhạc 6. Biểu diễn Piano 7. Biểu diễn Piano 8. Biểu diễn Piano 9. Biểu diễn Piano	

49	PIA2012*	Hòa tấu 2	2	1. Đinh Công Hải 2. Lại Thị Phương Thảo 3. Hà Cẩm Vân 4. Lê Hải Thuận 5. Lê Nam 6. Nghiêm Thị Hà Ngân 7. Hồ Thị Ngọc Hà 8. Trần Hà Mi 9. Nguyễn Thị Hiền Anh		1. ThS 2. ThS 3. ThS 4. ThS 5. ThS 6. ThS 7. ThS 8. ThS 9. TS	1. Biểu diễn Piano 2. Biểu diễn Piano 3. Biểu diễn Piano 4. LL&PPDH Âm nhạc 5. LL&PPDH Âm nhạc 6. Biểu diễn Piano 7. Biểu diễn Piano 8. Biểu diễn Piano 9. Biểu diễn Piano	
50	PIA2013*	Hòa tấu 3	2	1. Đinh Công Hải 2. Lại Thị Phương Thảo 3. Hà Cẩm Vân 4. Lê Hải Thuận 5. Lê Nam 6. Nghiêm Thị Hà Ngân 7. Hồ Thị Ngọc Hà 8. Trần Hà Mi 9. Nguyễn Thị Hiền Anh		1. ThS 2. ThS 3. ThS 4. ThS 5. ThS 6. ThS 7. ThS 8. ThS 9. TS	1. Biểu diễn Piano 2. Biểu diễn Piano 3. Biểu diễn Piano 4. LL&PPDH Âm nhạc 5. LL&PPDH Âm nhạc 6. Biểu diễn Piano 7. Biểu diễn Piano 8. Biểu diễn Piano 9. Biểu diễn Piano	

51	PIA2014*	Hòa tấu 4	2	1. Đinh Công Hải 2. Lại Thị Phương Thảo 3. Hà Cẩm Vân 4. Lê Hải Thuận 5. Lê Nam 6. Nghiêm Thị Hà Ngân 7. Hà Thị Ngọc Hà 8. Trần Hà Mi 9. Nguyễn Thị Hiền Anh		1. ThS 2. ThS 3. ThS 4. ThS 5. ThS 6. ThS 7. ThS 8. ThS 9. TS	1. Biểu diễn Piano 2. Biểu diễn Piano 3. Biểu diễn Piano 4. LL&PPDH Âm nhạc 5. LL&PPDH Âm nhạc 6. Biểu diễn Piano 7. Biểu diễn Piano 8. Biểu diễn Piano 9. Biểu diễn Piano	
52	PIA2015	Hòa thanh trên đàn 1	2	1. Nguyễn Đức Linh 2. Bùi Duy Anh		1. ThS 2. ThS	1. LL&PPDH Âm nhạc 2. LL&PPDH Âm nhạc	
53	PIA2016	Hòa thanh trên đàn 2	2	1. Nguyễn Đức Linh 2. Bùi Duy Anh		1. ThS 2. ThS	1. LL&PPDH Âm nhạc 2. LL&PPDH Âm nhạc	
IV.2		***Các môn tự chọn***	***5/9***					
54	PIA2018	Kỹ năng nghe	2	1. Nguyễn Thị Tố Mai 2. Nghiêm Thị Hà Ngân	PGS	1. TS 2. ThS	1. Nghệ 2. Biểu diễn Piano	
55	MUS2014	Thực tế sáng tác	2	1. Phạm Xuân Danh 2. Nguyễn Thành Vinh		1. ThS, 2018 2. ThS, 2011	1. LL&PPDHAN 2. Sáng tác	

56	PIA2017	Phương pháp dạy học Piano	2	2. Lại Thị Phương Thảo 3. Nghiêm Thị Hà Ngân		1. ThS 2. ThS	1. Biểu diễn Piano 2. Biểu diễn Piano	
57	PIA2027	Chuyên đề	3	1. Đinh Công Hải 2. Lại Thị Phương Thảo 3. Bùi Đăng Khánh 4. Trần Vương Thanh 5. Đỗ Thanh Nhàn		1. ThS 2. ThS 3. ThS 4. TS 5. TS	1. Biểu diễn Piano 2. VHH 3. Biểu diễn Piano 4. NTH 5. NTH	
V	**M5**	***Khối kiến thức thực tế, thực tập nghề nghiệp***	**6**					
58	PIA2028	Thực tập nghề nghiệp 1	3					
59	PIA2029	Thực tập nghề nghiệp 2	3					
VI	**M6**	**Khối kiến thức cuối khóa**	**14**					
60	PIA2022	Chương trình biểu diễn nghệ thuật	14					

PHẦN X. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU PHỤC VỤ CHO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m)	Mã học phần	Tên học phần	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Phòng thực hành...	98	5.098,60	MUS2017 MUS2018 MUS2019 MUS2020 MUS2021 MUS2085 MUS2086 MUS2087 MUS2088	Ký xướng âm 1 Ký xướng âm 2 Ký xướng âm 3 Ký xướng âm 4 Ký xướng âm 5 Keyboard/Guitar 1 Keyboard/Guitar 2 Keyboard/Guitar 3 Keyboard/Guitar 4	- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may. - Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.
2	Xưởng thực tập...	3	274,10			Trình độ Đại học các ngành: Thiết kế thời trang, Công nghệ may.
3	Nhà tập đa năng					
4	Hội trường	1	192,00	MUS2066 MUS2067	Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp 1 Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp 2	- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may. - Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật.

						Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.
5	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	01	240,40	MUS2078 MUS2002 CLM2001 PPE2008	Đại cương các loại hình nghệ thuật Mỹ học Cơ sở văn hóa Việt Nam Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may. - Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. - Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc. -
6	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	26	2.061,74	MUS2008 MUS2009 MUS2060 MUS2061	Lý thuyết âm nhạc 1; Lý thuyết âm nhạc 2 Lịch sử âm nhạc thế giới 1 Lịch sử âm nhạc thế giới 2	- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may. - Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. - Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc. -
7	Số phòng học dưới 50 chỗ	04	154,20	MUS2062 MUS2023 MUS2031 MUS2065	Hòa thanh 1 Hòa thanh 2 PP dạy học NA 1 PP dạy học NA 2	- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư

						phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may. - Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. - Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.
8	Số phòng học đa phương tiện	03	280.70			- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may. - Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. - Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.
9	Phòng làm việc	01	43,90			- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý

	của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may. - Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. - Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.
10	Giảng dạy GDTC	45sv	Sân vận động (2.500m)	**PPE2010**	Giáo dục thể chất 1	
11	Giảng dạy GDTC	45sv	Sân vận động (2.500m)	**PPE2011**	Giáo dục thể chất 2	

2. Học liệu

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			

I	**M1**	**Khối kiến thức chung**	**27**				
1	**POL2009**	Triết học Mác - Lênin	3	**1. Học liệu bắt buộc** (1) Giáo trình Triết học Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo	(1) Nxb chính trị quốc gia sự thật, 2021	
				2. Học liệu tham khảo (1) Giáo trình Triết học Mác - Lênin	(1) Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	(1) Nxb chính trị quốc gia, 2013	
2	**POL2010**	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	**1. Học liệu bắt buộc** (1) Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo	(1) Nxb chính trị quốc gia sự thật, 2021	
				2. Học liệu tham khảo (1) Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	(1) Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	(1) Nxb chính trị quốc gia, 2014	

3	**POL2011**	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	**1. Học liệu bắt buộc** (1) Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo	(1) Nxb Chính trị Quốc gia sự thật 2021	
				2. Học liệu tham khảo (1) Giáo trình phương pháp dạy - học Chủ nghĩa xã hội khoa học (dùng cho các trường Đại học và Cao đẳng)	(1) Nguyễn Văn Cư (chủ biên)	(1) Nxb đại học sư phạm, 2007.	
4	**POL2003**	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	**1. Học liệu bắt buộc** (1) Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo	(1) Nxb chính trị quốc gia sự thật, 2021	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	(1) Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	(1) Nxb chính trị quốc gia, 2003	

				(2) Hệ thống câu hỏi ôn tập Tư tưởng Hồ Chí Minh	(2) Dương Văn Khoa	(2) Nxb Đại học sư phạm, 2022	
5	**POL2013**	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	**1. Học liệu bắt buộc** (1) Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo	(1) Nxb chính trị quốc gia sự thật, 2021	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam Tập 2	(1) Bộ Giáo dục và đào tạo	(1) Nxb chính trị quốc gia, 2007	
				(1) Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam Tập 3	(1) Bộ Giáo dục và đào tạo	(1) Nxb chính trị quốc gia, 2007	
				(2) Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	(2) Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	(2) Nxb Chính trị Quốc gia, 2014	

6	**INF2001**	Tin học cơ bản	2	**1.Học liệu bắt buộc** Giáo trình Tin học cơ bản dùng cho hệ ĐH: Tài liệu lưu hành nội bộ	Vũ Việt Hoàng chủ biên	Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				2.Học liệu tham khảo			
				- Tin học ứng dụng căn bản	Hồ Tuấn Hùng	NXB Đại học Sư phạm, 2013, Việt Nam.	
				- Hướng dẫn sử dụng Microsoft Office 2013	Tại website của hãng Microsoft	- Theo địa chỉ http://www.microsoft.com	
7	**CFL2001**	Tiếng Anh 1	4	**1. Học liệu bắt buộc** - New Headway: Elementary	- Liz and John Soars, Sylvia Wheeldon; (Lê Thúy Hiền giới thiệu)	- Nxb Văn hóa Thông tin (2013) Việt Nam.	
				2. Học liệu tham khảo			
				- Lifelines Elementary	- Tom Hutchinson, Minh Thu chú giải	- Nxb Văn hóa Thông tin (2013) Việt Nam.	
				- Essential English Grammar in Use	- Raymond Murphy (Lê Thúy Hiền giới thiệu)	- Nxb Từ điển Bách Khoa, 2013	

				- English File: Elementary	- Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig, Paul Seligson; (Lê Thúy Hiền giới thiệu)	- Nxb Văn hóa Thông tin, 2012, Việt Nam.	
				- Empower: Elementary Student's book	- Adrian Doff, Craig Thaine, Herbert Puchta, Jeff Stranks, Peter Lewis-Jones.	- Nxb Cambridge. Anh Quốc.	
8	**CFL2002**	Tiếng Anh 2	3	**1. Học liệu bắt buộc** - New headway: Pre-Intermediate	- John and Liz Soars with Sylvia Wheeldon	- Nxb Oxford, 2007.	
				2. Học liệu tham khảo			
				- Essential English Grammar in Use	- Raymond Murphy; (Lê Thúy Hiền giới thiệu)	- Nxb Từ điển Bách Khoa, 2013.	
				- English File: Pre-Intermediate	- Christina Latham-Koenig, Clive Oxenden, Paul Seligson (Thu Huyền giới thiệu)	- Nxb Thời đại 2014.	
				- Gateway to the world B1 Student book	- David Spencer	- Macmillan, 2023.	

9	**PPE2010**	Giáo dục thể chất 1	2	**1. Học liệu bắt buộc**			
				(1) Giáo trình Thể dục tập 1	(1) Phạm Nguyên Phùng, Trần Tuyết Lan, Hoàng Minh Thuận.	(1) Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội, 2012	
				(2) Giáo trình Thể dục tập 2	(2) Phạm Nguyên Phùng, Trần Tuyết Lan, Hoàng Minh Thuận	(2) Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội, 2013	
				(3) Giáo trình Thể dục Aerobic	(3) Đinh Khánh Thu, Trương Anh Tuấn, Nguyễn Kim Lan	(3) Nxb Thể dục thể thao - Hà Nội, 2014	
				(4) Giáo trình Điền kinh	(4) Nguyễn Văn Thời (chủ biên)	(4) Nxb Thể dục thể thao Hà Nội, 2014	
				(5) Giáo trình Thể dục Aerobics 1 (Dùng cho sinh viên Đại học Sư phạm TDTT)	(5) Nguyễn Văn Thời (chủ biên)	(5) Nxb Thể dục thể thao Hà Nội, 2014	
				2. Học liệu tham khảo (1) Các bài tập thể lực trong Điền kinh.	(1) Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Đại Dương, Đàm Trung Kiên	(1) Nxb Thể dục thể thao Hà Nội (2012).	
10	**PPE2011**	Giáo dục thể chất 2	3	**VÕ** **1. Học liệu bắt buộc**			
				(1) Karate căn bản.	(1) Nguyễn Ngọc Khương	(1) Nxb Thể dục thể thao. (2006)	

				(2) Giáo trình Karatedo.	(2) Trần Tuấn Hiếu (chủ biên)	(2) Nxb Thể dục thể thao (2001)	
				2. Học liệu tham khảo (1) Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn học Karate-do.	(1) Bộ môn võ - Trường ĐHTDTT Bắc Ninh.	(1) Nxb Thể dục thể thao (2009)	
				CẦU LÔNG **1. Học liệu bắt buộc**			
				(1) Giáo trình Cầu lông	(1) Nguyễn Văn Đức (Chủ biên) Trần Văn Vinh, Trương Văn Minh, Nguyễn Văn Thạch, Nguyễn Thị Huyền	(1) Nxb Thể dục thể thao Hà Nội, 2015.	
				(2) Luật thi đấu Cầu lông.	(2) Tổng cục thể dục thể thao.	(2) NXB Thể dục thể thao Hà Nội, 2014.	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Cầu lông.	(1) Trần Văn Vinh, Đào Chí Thành.	(1) Nxb Thể dục thể thao , 1998	
				(2) Biên soạn tài liệu giảng dạy môn Cầu lông theo hình thức đào tạo tín chỉ tại	(2) Đề tài KHCN cấp Trường: Phạm Minh Tuấn,	(2) Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2017.	

				trường ĐHSPNTTW (2016 - 2017)	Bùi Thị Ánh Tuyết, Lê Việt Hùng, Phạm Thị Huyền Trang		
				KHIÊU VŨ **1. Học liệu bắt buộc** (1) Khiêu vũ thể thao.	(1) Vũ Thanh Mai (Chủ biên)	(1) Nxb thể dục thể thao, 2011.	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Tài liệu giảng dạy - Môn học Khiêu vũ thê thao	(1) ThS. Bùi Thị Huyền, ThS. Nguyễn Minh Trâm. ThS. Nguyễn Minh Anh	(1) Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2020.	
11	**POL2007**	Pháp luật đại cương	2	**1. Học liệu bắt buộc**			
				(1) Giáo trình Pháp luật đại cương	(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo	(1) Nxb Đại học Sư phạm, 2015.	
				2. Học liệu tham khảo (1) Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật	(1) Trường ĐH Luật Hà Nội		

						(1) NXB Công an nhân dân, 2013	
				(2) Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013	(2) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx		
				(3) Bộ luật Dân sự nước CHXHCN Việt Nam 2015.	(3) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Bo-luat-dan-su-2015-296215.aspx		
				(4) Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam 2015	(4) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/Bo-luat-hinh-su-2015-296661.aspx		
				(5) Bộ luật Tố tụng Hình sự (sửa đổi) nước CHXHCN Việt Nam năm 2021	(5) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thu-tuc-To-tung/Luat-sua-doi-Bo-Luat-To-tung-hinh-su-2021-489113.aspx		

				(6) Bộ luật Lao động nước CHXHCN Việt Nam năm 2019.	(6) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Bo-Luat-lao-dong-2019-333670.aspx		
				(7) Luật phòng, chống tham nhũng nước CHXHCN Việt Nam năm 2019.	(7) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-Phong-chong-tham-nhung-322049.aspx		
				(8) Văn bản về công tác Phòng chống tham nhũng	(8) Bộ Giáo dục và Đào tạo	(8) Tài liệu tập huấn Thanh tra, 2018	
				(9) Giáo trình Luật Quốc tế	(9) Trường ĐH Luật Hà Nội	(9) NXB Công an nhân dân, năm 2013	
12	**GDQP**	Giáo dục quốc phòng		- Theo chương trình của TTGDQP			
II	**M2**	**Khối kiến thức cơ**	**16**				

		bản chung của nhóm ngành					
II.1		***Các môn học bắt buộc***	**11**				
13	**CFL2005**	Tiếng Anh chuyên ngành	2	**1. Học liệu bắt buộc** - Giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành Âm nhạc - Tài liệu lưu hành nội bộ.	Tài liệu do Trung tâm Tin học và Ngoại ngữ	Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW biên soạn, (2023) Việt Nam.	
				2. Học liệu tham khảo			
				- English Grammar in Use	Murphy, R. (Ngọc Hạnh, Quỳnh Trâm giới thiệu), (2011).	Nxb Thanh hoá, 2007, Việt Nam.	

				- Cutting Edge	Sarah Cunningham and Peter Moor (Lê Thúy Hiền giới thiệu)	Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, (2013) Việt Nam.	
14	**PPE2008**	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	**1. Học liệu bắt buộc**			
				(1) Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học	(1) Vũ Cao Đàm	(1) Nhà xuất bản Giáo dục, 2008	
				(2) Giáo trình phương pháp nghiên cứu tâm lý học	(2) Hoàng Mộc Lan	(2) Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2013	
				(3) Phương pháp nghiên cứu xã hội học	(3) Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh	(3) Nxb Đại học Quốc Gia, 2016	
				2. Học liệu tham khảo (1) Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Mỹ thuật	(1) Nguyễn Thu Tuấn	(1) Nxb Đại học sư phạm Hà Nội, 2015	
15	**MUS2002**	Mỹ học	2	**1. Học liệu chính** Giáo trình môn học Mỹ học dành cho hệ ĐHSP Âm nhạc: Lưu hành nội bộ	Trần Vĩnh Khương chủ biên, Lại Hồng Phong, Nguyễn Đăng Nghị	Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo			

				Nhập môn Mỹ học	Đào Thị Thuý Anh (chủ biên), Đoàn Thị Thu Hà	Nxb. Đại học Sư phạm, 2019, Việt Nam.	
				Văn học và các loại hình nghệ thuật	Lê Lưu Oanh	Nxb. Đại học Sư phạm, 2011, Việt Nam.	
				Bay lên từ truyền thống	Nguyễn Đăng Nghị	Nxb. Văn hóa thông tin, Tạp chí VHNT, 2011, Việt Nam.	
16	**CLM2001**	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	**1. Học liệu bắt buộc**			
				1.1. Cơ sở văn hóa Việt Nam	1.1. Trần Ngọc Thêm	1.1. Nxb Giáo dục, 2011	
				1.2. Cơ sở văn hoá Việt Nam	1.2. Trần Quốc Vượng (Chủ biên), Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bền, Lâm Mỹ Dung, Trần Thúy Anh	1.2. Nxb Giáo dục, 2006	
				2. Học liệu tham khảo			
				2.1. Việt Nam văn hóa sử cương	-Đào Duy Anh	-Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2000	
				2.2. Việt Nam phong tục	-Phan Kế Bính	-Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2005	
				2.3. Bản sắc văn hóa Việt Nam	-Phan Ngọc	-Văn học, Hà Nội, 2002	

				2.4. Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam	-Ngô Đức Thịnh	-Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2022	
				2.5. Cơ sở văn hóa Việt Nam	- Trần Ngọc Thêm	- Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2011	
17	**CLM2010**	Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản VN	2	**1. Học liệu bắt buộc** Giáo trình Đường lối văn hóa của Đảng cộng sản Việt Nam	Lê Thị Thu Hiền	.Nxb Văn Học, 2019, Hà Nội.	
				2. Học liệu tham khảo Đường lối văn hoá của Đảng trong chấn hưng phát triển văn hoá VN	Lê Mậu Lâm (chủ biên), TS. Ngô Vương Anh, Nguyễn Băng Nhi	Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, 2022.	
				Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật	Nguyễn Thị Lan Thanh, Phan Văn Tú, Nguyễn Thanh Xuân	Nxb Lao động 2016	
II.2		***Các học phần tự chọn***	**5/9**				
18	**MUS2003**	Đại cương các loại hình	2	**1. Học liệu bắt buộc**			
				- Giáo trình Môn học Đại cương các loại hình nghệ thuật dành cho hệ ĐHSPÂN: Lưu hành nội bộ	Nguyễn Thị Thu Hằng, Trần Vĩnh Khương, Nguyễn Đăng Nghị, Lại Hồng Phong	Trường ĐHSP Nghệ thuật TW 2019	

		nghệ thuật		**2. Học liệu tham khảo**			
				Nghệ thuật học	Đỗ Văn Khang	Nxb Thông tin và truyền thông, 2002	
				Nghiên cứu biên soạn tài liệu giảng dạy môn Nghệ thuật học - Hệ ĐHSP Mỹ thuật	Trần Thị Vân	Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2017	
19	**PPE2030**	Kỹ năng khởi nghiệp	3	**1. Học liệu bắt buộc**			
				(1) Làm thuê hay khởi nghiệp	Đỗ Mạnh Hùng & Bùi Thị Ngần	Nhà xuất bản Dân trí, 2022	
				(2) Không bao giờ là thất bại! Tất cả chỉ là thử thách	Chung Ju Yung; Lê Huy Khoa dịch	Nhà xuất bản Thế giới, 2019	
				(3) Quốc gia Khởi nghiệp	Dan Senor, Saul Singer, Trí Vương dịch	Nhà xuất bản Thế giới, 2017	
				(4) Cá nhân hóa khởi nghiệp	Đỗ Thị Tuyết Lan	Nhà xuất bản Thế giới, 2023	
				(5) Khởi nghiệp 0 - 1: Những điều không thể bỏ qua khi khởi nghiệp	Chu Thụy Phong, Dũng Nguyễn dịch	Nhà xuất bản Hồng Đức, 2019	
				(6) Get Backed: Ai “chống lưng” cho bạn	Evan Baehr, Evan Loomis, Lê Thiện Trí dịch	Nhà xuất bản Thế giới, 2018	

				(7) Nghĩ giàu làm giàu	NAPOLEON HILL, Việt Khương, Vương Long, Khánh Duy, Ngọc Hân dịch	Nhà xuất bản Thế giới, 2019	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Quản trị tinh gọn tại Việt Nam đường tới thành công	Nguyễn Đăng Minh	Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2015	
				(2) Phụng sự để dẫn đầu. Tư duy lãnh đạo thế kỷ 21	James Strock, Thu Huyền dịch	Nhà xuất bản Lao động, 2017	
				(3) 6 chiếc mũ tư duy	Edward De BoNo - Nguyễn Hữu Dũng dịch	Nhà xuất bản Thế giới, 2022	
				(4) Business Model Generation (Tạo lập môi trường kinh doanh)	Alexander Osterwalder & Yves Pigneur, 470 Cố Vấn, Doanh Nhân Từ 45 Quốc Gia - Ed. Lưu Thị Thanh Huyền dịch	Nhà xuất bản Công thương, 2023	
				(5) Tư duy phản biện để không bị thao túng tâm lý	Tom Chatfield – Khánh Trang dịch	Nhà xuất bản Trẻ, 2023	
				(6) Tâm thái - Bí quyết làm chủ cuộc sống từ trong tâm	Đỗ Văn Dũng	Nhà xuất bản Thế giới, 2017	

				(7) 50 quy tắc vàng làm chủ cảm xúc	Jean - Yves Arrivé - Hoàng Thanh Thủy dịch	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, 2019	
				(8) Kỹ năng lập kế hoạch hiệu quả,	Shibamoto Hidenori - Yoko dịch	Nhà xuất bản thế giới, 2022	
				(9) GOALS! (Chinh phục mục tiêu)	BRIAN TRACY - Nguyễn Trung An, MBA dịch	Nhà xuất bản tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2022	
				(10) http://novaspro.vn/ và http://dean1665.vn/			
20	**CLM2004**	Lịch sử văn minh thế giới History of World civilization	2	**1. Học liệu bắt buộc**			
				- Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh (chủ biên), Nguyễn Gia Phu -Nguyễn Quốc Hùng-Đinh Ngọc Bảo	Nxb GD (2015), Việt Nam.	
				2. Học liệu tham khảo			
				Lịch sử văn minh Trung Hoa, tập 2: Khoa học nghệ thuật, lịch sử hội họa	- Phùng Quốc Siêu, Trần Hải Ninh	- Nxb Văn hóa thông tin (2001)	
				Chuyện kể về những nền văn minh cổ	- Edward James	- Nxb Thế giới (2002)	

21	**PPE2004**	Tâm lý học nghệ thuật	2	**1. Học liệu bắt buộc**			
				(1) Tâm lý học nghệ thuật	Vưgotxki L.X	Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1995	
				(2) Giáo trình Tâm lý học Nghệ thuật	Tổng cục chính trị quân đội nhân dân Việt Nam	Nhà xuất bản quân đội nhân dân, 2018.	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Phân tâm học và văn hoá nghệ thuật	Freud (Người dịch: Đỗ Lai Thúy)	NXB Tri thức, Hà Nội, 2018	
				(2) Về cái tinh thần trong Nghệ thuật	Kandinsky (Người dịch: Ngụy Hữu Tâm, Trần Vinh)	NXB Đà Nẵng, 2019	
				(3) Tâm lý học sáng tạo	Phạm Thành Nghị	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013	
III	**M3**	**Khối kiến thức cơ sở ngành**	**28**				
III.1		***Các học phần bắt buộc***	**24**				

22	**MUS2060**	Lịch sử Âm nhạc thế giới 1 History of the world music 1	2	**1. Học liệu bắt buộc** - Giáo trình Lịch sử âm nhạc thế giới: phần Châu Âu từ khởi đầu đến cuối thế kỷ 19, hệ ĐHSP Âm nhạc	Nguyễn Thị Tố Mai chủ biên, Phạm Lê Hòa, Trịnh Hoài Thu	Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2014, Việt Nam.	
				2. Học liệu tham khảo			
				- Opera Việt Nam	Nguyễn Thị Tố Mai	Nxb. Âm nhạc, 2014, Việt Nam.	
				- Các nhạc sĩ nổi tiếng thế giới	Phạm Lê Hòa	Nxb. Âm nhạc, 2007, Việt Nam.	
23	**MUS2061**	Lịch sử Âm nhạc thế giới 2 History of the world music 2	2	**1. Học liệu bắt buộc** - Giáo trình Lịch sử âm nhạc thế giới: phần Châu Âu từ khởi đầu đến cuối thế kỷ 19, hệ ĐHSP Âm nhạc	Nguyễn Thị Tố Mai chủ biên, Phạm Lê Hòa, Trịnh Hoài Thu	Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2014, Việt Nam.	
				2. Học liệu tham khảo - Opera Việt Nam	Nguyễn Thị Tố Mai	Nxb. Âm nhạc, H. 2014,Việt Nam.	
				- Các nhạc sĩ nổi tiếng thế giới	Phạm Lê Hòa	NXB Âm nhạc, Hà Nội. 2007,Việt Nam.	
24				**1. Học liệu bắt buộc**			

	MUS2056	Âm nhạc Việt Nam Vietnam music	2	-Giáo trình Âm nhạc Việt Nam (lưu hành nội bộ)	Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Thu Trang, Trần Thị Thanh Hương,	Trường ĐHSP Nghệ thuật TW. (2019)	
				2.Học liệu tham khảo - Tuyển tập nghiên cứu, phê bình âm nhạc truyền thống Việt Nam			
				- Đàn nguyệt trong phong cách hát chầu văn và nhạc tài tử Nam Bộ.	Cồ Huy Hùng	Nxb. Mỹ thuật, H. 2017.	
				-Âm nhạc dân gian xứ Thanh	Nguyễn Liên (chủ biên), Hoàng Minh Tường	Nxb. Mỹ thuật, H. 2017.	
				- Tổng tập âm nhạc Việt Nam	Nhiều tác giả (tập 1)	Nxb Văn hoá Dân tộc, H.2010.	
				- Âm nhạc thính phòng giao hưởng Việt Nam	Nguyễn Thị Nhung	Viện Âm nhạc, H. 2001.	
				- Âm nhạc mới Việt Nam tiến trình và thành tựu.	PGS. TS Tú Ngọc - PGS.TS Nguyễn Thị Nhung - TS Vũ Tự Lân – Nguyễn Ngọc Oánh - Thái Phiên.	Viện Âm nhạc, H. 2000,	
				- Vấn đề nghiên cứu và đào tạo âm nhạc dân tộc học Việt Nam.	Lê Văn Toàn	Nxb Thanh niên	

				1. Học liệu bắt buộc -Giáo trình Âm nhạc Việt Nam (lưu hành nội bộ)	Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Thu Trang, Trần Thị Thanh Hương,	Trường ĐHSP Nghệ thuật TW. (2019)	
25	**MUS2024**	Phân tích tác phẩm 1 Analysis of musical works 1	2	**1. Học liệu bắt buộc** *- Giáo trình Phân tích tác phẩm âm nhạc*	Phạm Lê Hòa	Nxb. Âm nhạc, H.2016,	
				2. Học liệu tham khảo			
				Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu - Lý luận phê bình âm nhạc Việt Nam thế kỷ XX Tập 1	Hội đồng biên soạn: Tô Ngọc Thanh, Vũ Nhật Thăng, Đặng Hoành Loan	Nxb Viện Âm nhạc, 2003	
				Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu-lý luận- phê bình âm nhạc thế kỷ XX, tập 2	Hội đồng biên soạn: Tô Ngọc Thanh, Vũ Nhật Thăng, Đặng Hoành Loan	Nxb Viện Âm nhạc, 2004	
				Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu-lý luận- phê bình âm nhạc thế kỷ XX, tập 2B	Hội đồng biên soạn: Tô Ngọc Thanh, Vũ Nhật Thăng, Đặng Hoành Loan	Nxb Viện Âm nhạc,2004	
				Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu-lý luận- phê bình âm nhạc thế kỷ XX, Tập 3	Hội đồng biên soạn: Tô Ngọc Thanh, Vũ Nhật Thăng, Đặng Hoành Loan	Nxb Viện Âm nhạc,2003	

				Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu- lý luận- phê bình âm nhạc thế kỷ XX, tập 5A	Hội đồng biên soạn: Tô Ngọc Thanh, Vũ Nhật Thăng, Đặng Hoành Loan	Nxb Viện Âm nhạc,2003	
				Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu- lý luận- phê bình âm nhạc thế kỷ XX, Tập 5B	Hội đồng biên soạn: Tô Ngọc Thanh, Vũ Nhật Thăng, Đặng Hoành Loan	Nxb Viện Âm nhạc,2004	
				Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu - Lý luận phê bình âm nhạc Việt Nam thế kỷ XX Tập 4	Hội đồng biên soạn: Tô Ngọc Thanh, Vũ Nhật Thăng, Đặng Hoành Loan	Nxb Viện Âm nhạc,2004	
				Phân tích tác phẩm âm nhạc - Quyển 2	Nguyễn Thị Nhung	Nxb Từ điển Bách Khoa,2006	
				Cấu trúc dân ca người Việt	Huyền Nga	Nxb Lao động,2012	
26	**MUS2079**	Phân tích tác phẩm 2 Analysis of musical works 2	3	**1. Học liệu bắt buộc** *- Giáo trình Phân tích tác phẩm âm nhạc*	Phạm Lê Hòa	Nxb. Âm nhạc, H.2016,	
				2. Học liệu tham khảo			
				Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu - Lý luận phê bình âm nhạc Việt Nam thế kỷ XX Tập 1	Hội đồng biên soạn: Tô Ngọc Thanh, Vũ Nhật Thăng, Đặng Hoành Loan	Nxb Viện Âm nhạc, 2003	

				Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu- lý luận- phê bình âm nhạc thế kỷ XX, tập 2	Hội đồng biên soạn: Tô Ngọc Thanh, Vũ Nhật Thăng, Đặng Hoành Loan	Nxb Viện Âm nhạc, 2004	
				Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu- lý luận- phê bình âm nhạc thế kỷ XX, tập 2B	Hội đồng biên soạn: Tô Ngọc Thanh, Vũ Nhật Thăng, Đặng Hoành Loan	Nxb Viện Âm nhạc,2004	
				Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu- lý luận- phê bình âm nhạc thế kỷ XX, Tập 3	Hội đồng biên soạn: Tô Ngọc Thanh, Vũ Nhật Thăng, Đặng Hoành Loan	Nxb Viện Âm nhạc,2003	
				Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu- lý luận- phê bình âm nhạc thế kỷ XX, tập 5A	Hội đồng biên soạn: Tô Ngọc Thanh, Vũ Nhật Thăng, Đặng Hoành Loan	Nxb Viện Âm nhạc,2003	
				Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu- lý luận- phê bình âm nhạc thế kỷ XX, Tập 5B	Hội đồng biên soạn: Tô Ngọc Thanh, Vũ Nhật Thăng, Đặng Hoành Loan	Nxb Viện Âm nhạc,2004	
				Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu - Lý luận phê bình âm nhạc Việt Nam thế kỷ XX Tập 4	Hội đồng biên soạn: Tô Ngọc Thanh, Vũ Nhật Thăng, Đặng Hoành Loan	Nxb Viện Âm nhạc,2004	
				Phân tích tác phẩm âm nhạc - Quyển 2	Nguyễn Thị Nhung	Nxb Từ điển Bách Khoa,2006	

				Cấu trúc dân ca người Việt	Huyền Nga	Nxb Lao động,2012	
27	**MUS2062**	Hòa thanh 1 Harmony 1	2	**1.Học liệu bắt buộc** *-Giáo trình Hòa thanh dành cho hệ ĐHSPÂN: (lưu hành nội bộ)* **2.Học liệu tham khảo**	Nguyễn Khải, Phạm Thu Hường, Nguyễn Đức Linh, Lương Minh Tân	Trường ĐHSP Nghệ thuật TW,Việt Nam. (2019)	
				2.Học liệu tham khảo Sách giáo khoa hoà thanh	Phạm Tú Hương, Vũ Nhật Thăng	Nxb Âm nhạc, 1993	
				Tuyển chọn bài tập phân tích hoà thanh	Hoàng Hoa, Trương Ngọc Bích	Trung tâm Thông tin Thư viện, 2012	
				Hoà âm cơ bản	Tạ Hoàng Mai Anh	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.2020	
				Giáo trình Hòa thanh(Bậc đại học)	GS.TS.Phạm Minh Khang	Trung tâm Thông tin - Thư viện Âm nhạc, 2005	
28	**MUS2017**	Ký xướng âm 1	2	**1. Học liệu bắt buộc** *- Giáo trình Xướng âm giọng C-dur và a-moll cho hệ ĐH Sư phạm Âm nhạc*	Nguyễn Tố Mai chủ biên, Nguyễn Đắc Quỳnh, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Khải	Nxb Khoa học Xã hội, 2021	
				2. Học liệu tham khảo Giáo trình ký - xướng âm: Dành cho bậc Trung học Âm nhạc chuyên nghiệp hệ 7 năm	Hoàng Hoa, Phạm Phương Hoa	Trung tâm Thông tin - Thư viện Âm nhạc, 2000	

				chính quy, Quyển 1: Trình độ 1			
				Phương pháp dạy học ký xướng âm trong đào tạo giáo viên âm nhạc phổ thông	Trịnh Hoài Thu (chủ biên), Nguyễn Thị Tố Mai, Nguyễn Thị Hải Phượng, Trần Thị Thu Anh	Nxb. Âm nhạc, 2011	
				Giáo trình ký - xướng âm: Dành cho bậc Trung học Âm nhạc chuyên nghiệp hệ 7 năm chính quy, Quyển 5: Trình độ V	Phạm Tú Hương, Nguyễn Trọng Ánh cb, Hoàng Hoa, Phạm Thanh Vân	Hà nội, 2004	
29	**MUS2018**	Ký xướng âm 2	2	**1. Học liệu bắt buộc** *- Giáo trình Xướng âm 2 (lưu hành nội bộ)*	Nguyễn Thị Phương Mai chủ biên, Vũ Kim Thu, Nghiêm Hồng Hà, Nguyễn Thị Lệ Huyền	Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo Giáo trình ký - xướng âm: Dành cho bậc Trung học Âm nhạc chuyên nghiệp hệ 7 năm chính quy, Quyển 2: Trình độ II	Phạm Tú Hương, Phạm Thanh Vân	2000	
				Phương pháp dạy học ký xướng âm trong đào tạo giáo viên âm nhạc phổ thông	Trịnh Hoài Thu cb, Nguyễn Thị Tố Mai, Nguyễn Thị Hải Phượng, Trần Thị Thu Anh,	Nxb. Âm nhạc, 2011	
				Giáo trình ký - xướng âm: Dành cho bậc Trung học Âm nhạc chuyên nghiệp hệ 7 năm	Phạm Tú Hương, Nguyễn Trọng Ánh cb, Hoàng Hoa, Phạm Thanh Vân	Hà nội, 2004	

				chính quy, Quyển 5: Trình độ V			
30	**MUS2019**	Ký xướng âm 3	2	**1. Học liệu bắt buộc** - *Giáo trình Kýxướng âm (Học phần: 3, 4, 5 - lưu hành nội bộ)*	Nguyễn Đức Linh – Phạm Xuân Cảnh - Khuất Duy Nhã - Nguyễn Thị Lệ Huyền - Vũ Kim Thu - Nguyễn Hồng Trang	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Việt Nam. (2019)	
				2.Học liệu tham khảo Giáo trình ký - xướng âm: Dành cho bậc Trung học Âm nhạc chuyên nghiệp hệ 7 năm chính quy, Quyển 3: Trình độ III,	Cù Lệ Duyên, Nguyễn Bình Định	Trung tâm thông tin thư viện âm nhạc	
				Phương pháp dạy học ký xướng âm trong đào tạo giáo viên âm nhạc phổ thông	Trịnh Hoài Thu cb, Nguyễn Thị Tố Mai, Nguyễn Thị Hải Phượng, Trần Thị Thu Anh,	Nxb. Âm nhạc	
				Giáo trình ký - xướng âm: Dành cho bậc Trung học Âm nhạc chuyên nghiệp hệ 7 năm chính quy, Quyển 5: Trình độ V	Phạm Tú Hương, Nguyễn Trọng Ánh cb, Hoàng Hoa, Phạm Thanh Vân	Hà nội	
31	**MUS2008**	Lý thuyết âm nhạc 1	3	**1.Học liệu bắt buộc** *-Giáo trình Lý thuyết âm nhạc, lưu hành nội bộ*	Trịnh Hoài Thu (chủ biên), Phạm Lê Hòa, Nguyễn Tố Mai, Lê Anh Tuấn, Lương Minh Tân	Nxb Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW (2014).	

				2. Học liệu tham khảo *-Tự học nhạc lý cơ bản*	Phạm Phương Hoa (chủ biên)	Nxb. Âm nhạc, H. 2014.	
				-Lý thuyết âm nhạc cơ bản	Phạm Tú Hương, Đỗ Xuân Tùng, Nguyễn Trọng Ánh	Nxb. Đại học sư phạm,Việt Nam.(2010)	
				- Lý thuyết âm nhạc cơ bản	V.A.Vakhrameep	Nxb. Âm nhạc, Việt Nam. 1993	
32	**MUS2009**	Lý thuyết âm nhạc 2	2	**1. Học liệu bắt buộc** *- Giáo trình Lý thuyết âm nhạc, lưu hành nội bộ.*	Trịnh Hoài Thu (chủ biên), Phạm Lê Hòa, Nguyễn Tố Mai, Lê Anh Tuấn, Lương Minh Tân	Nxb. Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW,Việt Nam.(2014).	
				2. Học liệu tham khảo *- Tự học nhạc lý cơ bản*	Phạm Phương Hoa (chủ biên)	Nxb. Âm nhạc, H. 2014.	
				- Lý thuyết âm nhạc cơ bản	Phạm Tú Hương, Đỗ Xuân Tùng, Nguyễn Trọng Ánh	Nxb. Đại học sư phạm (2010).	
				- Lý thuyết âm nhạc cơ bản	V.A.Vakhrameep	Nxb. Âm nhạc, Việt Nam. 1993	

III.2		***Các học phần tự chọn***	**4/9**				
33	**MUS2030**	Giới thiệu nhạc cụ	2	**1. Học Liệu Bắt Buộc** - *Giáo trình Giới thiệu nhạc cụ. Lưu hành nội bộ*	Nguyễn Khải, Lương Minh Tân.	Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, (2019)	
				1. Học liệu tham khảo - *Nhạc khí Xơ Đăng ở miền Tây Quảng Ngãi*	Nguyễn Thế Truyền	Nxb. Hội Nhà Văn, (2019).	
				- *Nhạc khí dân tộc Khmer Sóc Trăng*	Sơn Ngọc Hoàng (chủ biên)	Nxb. Hội Nhà Văn (2018),	
				- *Nhạc khí dân tộc ở Gia Lai*	Đào Duy Quyền	Nxb. Hội Nhà Văn (2018),	
				- *Tìm hiểu nhạc cụ của người Tà Ôi*	Trần Nguyễn Khánh Phong	Nxb. Hội Nhà Văn (2018),	
				- *Giới thiệu một số nhạc cụ dân tộc thiểu số Việt Nam*	Tô Ngọc Thanh	Nxb Mỹ thuật, (2017),	
33	**PIA2001**	Lịch sử nghệ	2	**1. Học liệu bắt buộc** Giáo trình Lịch sử nghệ thuật Piano hệ ĐH Piano	- Đinh Công Hải (Chủ biên)	- Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019.	

		thuật Piano					
				2. Học liệu tham khảo - Các nhạc sĩ nổi tiếng thế giới	- Phạm Lê Hoà	- NXB Âm nhạc, 2007	
				- Lược sử âm nhạc Việt Nam	- Thuỵ Loan	- NXB Âm nhạc Hà Nội, 1993	
34	**PPE2002**	Giáo dục học Pedagogics	4	**1. Học liệu bắt buộc** (1) Giáo dục học, Tập 1	Phan Thị Hồng Vinh, Trần Thị Tuyết Oanh, Từ Đức Văn, Vũ Lệ Hoa, Nguyễn Thị Tình, Trịnh Thúy Giang, Nguyễn Thị Thanh Hồng	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2018.	
				(2) Giáo dục học Tập 2	Phan Thị Hồng Vinh, Trần Thị Tuyết Oanh, Từ Đức Văn, Vũ Lệ Hoa, Nguyễn Thị Tình, Trịnh Thúy Giang, Nguyễn Thị Thanh Hồng	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2018.	
				2. Học liệu tham khảo (1) Giáo dục học, Tập 1			

					Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên)	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2016	
				(2) Giáo dục học, Tập 2	Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên)	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2016	
				(3) Giáo dục học	Phạm Viết Vượng	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2014	
				(4) Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kĩ thuật dạy học	Bộ GD & ĐT – Dự án Việt – Bỉ	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà nội, (2022)	
35	**MUS2012**	Sáng tác Composition	2	**1. Học liệu bắt buộc:** *-Giáo trình Sáng tác (lưu hành nội bộ)*	Lại Hồng Phong, Lương Minh Tân, Nguyễn Thành Vinh.	(Lưu hành nội bộ), Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, (lưu hành nội bộ),Việt Nam. 2019.	
				2. Học liệu tham khảo *- 55 ca khúc về biển đảo và tình yêu quê hương*	Nhiều tác giả (Song Minh tuyển soạn)	Nxb. Âm nhạc, H. 2015, Việt Nam.	
				- Phân tích cấu trúc tác phẩm âm nhạc	Đặng Văn Bông	Nxb. Giáo dục, 2007, Việt Nam.	

				- *Ảnh hưởng của âm nhạc dân gian trong tác phẩm khí nhạc mới Việt Nam thế kỷ XX*	Trịnh Hoài Thu	Nxb. Âm nhạc, H. 2014, Việt Nam.	
IV	**M4**	**Khối kiến thức chuyên ngành**	**41**				
IV.1		***Các môn học bắt buộc***	**36**				
36	**PIA2003***	Piano chuyên	2	**1. Học liệu bắt buộc** Giáo trình Piano 1 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo		NEIL A. KJOS MUSIC COMPANY, PUBLISHER, 1997	

		ngành 1.1		1. Mozart selected works for piano	Compiled and Edited by Keith Snell		
				2. BRAHMS Konzert Nr.2 B-Dur/Bb major Opus 83	Edition Peters	Edition Peters Group, London New York, 2015	
				3. Kevin Olson - Sonatina of the Old West	Composer in Focus	The FJH music company inc, 2005	
				4. Piano Sonatinas Book Four Early Advanced	Compiled and edited by Nance & Randall Faber	Faber Piano Adventures, USA.	
				5. Debussy - Pour Le Piano	Edition Peters	C.F. Peter - FRANKFURT, New York, LonDon	
37	***PIA2003**	Piano chuyên ngành 1.2	2	**1. Học liệu bắt buộc** Giáo trình Piano 1 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo 1. Mozart selected works for piano	Compiled and Edited by Keith Snell	NEIL A. KJOS MUSIC COMPANY, PUBLISHER, 1997	
				2. BRAHMS Konzert Nr.2 B-Dur/Bb major Opus 83	Edition Peters	Edition Peters Group, London New York, 2015	
				3. Kevin Olson - Sonatina of the Old West	Composer in Focus	The FJH music company inc, 2005	
				4. Piano Sonatinas Book Four Early Advanced	Compiled and edited by Nance & Randall Faber	Faber Piano Adventures, USA.	

				5. Debussy - Pour Le Piano	Edition Peters	C.F. Peter - FRANKFURT, New York, LonDon	
38	**PIA2004***	Piano chuyên ngành 2.1	2	**1. Học liệu bắt buộc** Giáo trình Piano 2 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo 1. Mozart selected works for piano	Compiled and Edited by Keith Snell	NEIL A. KJOS MUSIC COMPANY, PUBLISHER, 1997	
				2. BRAHMS Konzert Nr.2 B-Dur/Bb major Opus 83	Edition Peters	Edition Peters Group, London New York, 2015	
				3. Kevin Olson - Sonatina of the Old West	Composer in Focus	The FJH music company inc, 2005	
				4. Piano Sonatinas Book Four Early Advanced	Compiled and edited by Nance & Randall Faber	Faber Piano Adventures, USA.	
				5. Debussy - Pour Le Piano	Edition Peters	C.F. Peter - FRANKFURT, New York, LonDon	
39	*PIA2004	Piano chuyên ngành 2.2	2	**1. Học liệu bắt buộc** Giáo trình Piano 2 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo 1. Mozart selected works for piano	Compiled and Edited by Keith Snell	NEIL A. KJOS MUSIC COMPANY, PUBLISHER, 1997	

				2. BRAHMS Konzert Nr.2 B-Dur/Bb major Opus 83	Edition Peters	Edition Peters Group, London New York, 2015	
				3. Kevin Olson - Sonatina of the Old West	Composer in Focus	The FJH music company inc, 2005	
				4. Piano Sonatinas Book Four Early Advanced	Compiled and edited by Nance & Randall Faber	Faber Piano Adventures, USA.	
				5. Debussy - Pour Le Piano	Edition Peters	C.F. Peter - FRANKFURT, New York, LonDon	
40	**PIA2005***	Piano chuyên ngành 3.1	2	**1. Học liệu bắt buộc** Giáo trình Piano 3 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo 1. Mozart selected works for piano	Compiled and Edited by Keith Snell	NEIL A. KJOS MUSIC COMPANY, PUBLISHER, 1997	
				2. BRAHMS Konzert Nr.2 B-Dur/Bb major Opus 83	Edition Peters	Edition Peters Group, London New York, 2015	
				3. Kevin Olson - Sonatina of the Old West	Composer in Focus	The FJH music company inc, 2005	
				4. Piano Sonatinas Book Four Early Advanced	Compiled and edited by Nance & Randall Faber	Faber Piano Adventures, USA.	

				5. Debussy - Pour Le Piano	Edition Peters	C.F. Peter - FRANKFURT, New York, LonDon	
41	***PIA2005**	Piano chuyên ngành 3.2	2	**1. Học liệu bắt buộc** Giáo trình Piano 3 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo 1. Mozart selected works for piano	Compiled and Edited by Keith Snell	NEIL A. KJOS MUSIC COMPANY, PUBLISHER, 1997	
				2. BRAHMS Konzert Nr.2 B-Dur/Bb major Opus 83	Edition Peters	Edition Peters Group, London New York, 2015	
				3. Kevin Olson - Sonatina of the Old West	Composer in Focus	The FJH music company inc, 2005	
				4. Piano Sonatinas Book Four Early Advanced	Compiled and edited by Nance & Randall Faber	Faber Piano Adventures, USA.	
				5. Debussy - Pour Le Piano	Edition Peters	C.F. Peter - FRANKFURT, New York, LonDon	
42	**PIA2006***	Piano chuyên ngành 4.1	2	**1. Học liệu bắt buộc** Giáo trình Piano 4 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo 1. Mozart selected works for piano	Compiled and Edited by Keith Snell	NEIL A. KJOS MUSIC COMPANY, PUBLISHER, 1997	

				2. BRAHMS Konzert Nr.2 B-Dur/Bb major Opus 83	Edition Peters	Edition Peters Group, London New York, 2015	
				3. Kevin Olson - Sonatina of the Old West	Composer in Focus	The FJH music company inc, 2005	
				4. Piano Sonatinas Book Four Early Advanced	Compiled and edited by Nance & Randall Faber	Faber Piano Adventures, USA.	
				5. Debussy - Pour Le Piano	Edition Peters	C.F. Peter - FRANKFURT, New York, LonDon	
43	***PIA2006**	Piano chuyên ngành 4.2	2	**1. Học liệu bắt buộc** Giáo trình Piano 4 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo 1. Mozart selected works for piano	Compiled and Edited by Keith Snell	NEIL A. KJOS MUSIC COMPANY, PUBLISHER, 1997	
				2. BRAHMS Konzert Nr.2 B-Dur/Bb major Opus 83	Edition Peters	Edition Peters Group, London New York, 2015	
				3. Kevin Olson - Sonatina of the Old West	Composer in Focus	The FJH music company inc, 2005	
				4. Piano Sonatinas Book Four Early Advanced	Compiled and edited by Nance & Randall Faber	Faber Piano Adventures, USA.	

				5. Debussy - Pour Le Piano	Edition Peters	C.F. Peter - FRANKFURT, New York, LonDon	
44	**PIA2007***	Đệm thanh nhạc 1	2	**1. Học liệu bắt buộc** Giáo trình Đệm thanh nhạc 1 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	-NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo 1. Mozart selected works for piano	Compiled and Edited by Keith Snell	NEIL A. KJOS MUSIC COMPANY, PUBLISHER, 1997	
				2. BRAHMS Konzert Nr.2 B-Dur/Bb major Opus 83	Edition Peters	Edition Peters Group, London New York, 2015	
				3. Kevin Olson - Sonatina of the Old West	Composer in Focus	The FJH music company inc, 2005	
				4. Piano Sonatinas Book Four Early Advanced	Compiled and edited by Nance & Randall Faber	Faber Piano Adventures, USA.	
				5. Debussy - Pour Le Piano	Edition Peters	C.F. Peter - FRANKFURT, New York, LonDon	
45	**PIA2008***	Đệm thanh nhạc 2	2	**1. Học liệu bắt buộc** Giáo trình Đệm thanh nhạc 2 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	-NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo		NEIL A. KJOS MUSIC COMPANY, PUBLISHER, 1997	

				1. Mozart selected works for piano	Compiled and Edited by Keith Snell		
				2. BRAHMS Konzert Nr.2 B-Dur/Bb major Opus 83	Edition Peters	Edition Peters Group, London New York, 2015	
				3. Kevin Olson - Sonatina of the Old West	Composer in Focus	The FJH music company inc, 2005	
				4. Piano Sonatinas Book Four Early Advanced	Compiled and edited by Nance & Randall Faber	Faber Piano Adventures, USA.	
				5. Debussy - Pour Le Piano	Edition Peters	C.F. Peter - FRANKFURT, New York, LonDon	
46	**PIA2009***	Đệm thanh nhạc 3	2	**1. Học liệu bắt buộc** Giáo trình Đệm thanh nhạc 3 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	-NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo 1. Mozart selected works for piano	Compiled and Edited by Keith Snell	NEIL A. KJOS MUSIC COMPANY, PUBLISHER, 1997	
				2. BRAHMS Konzert Nr.2 B-Dur/Bb major Opus 83	Edition Peters	Edition Peters Group, London New York, 2015	
				3. Kevin Olson - Sonatina of the Old West	Composer in Focus	The FJH music company inc, 2005	

				4. Piano Sonatinas Book Four Early Advanced	Compiled and edited by Nance & Randall Faber	Faber Piano Adventures, USA.	
				5. Debussy - Pour Le Piano	Edition Peters	C.F. Peter - FRANKFURT, New York, LonDon	
47	**PIA2010***	Đệm thanh nhạc 4	2	**1. Học liệu bắt buộc** Giáo trình Đệm thanh nhạc 4 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	-NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo 1. Mozart selected works for piano	Compiled and Edited by Keith Snell	NEIL A. KJOS MUSIC COMPANY, PUBLISHER, 1997	
				2. BRAHMS Konzert Nr.2 B-Dur/Bb major Opus 83	Edition Peters	Edition Peters Group, London New York, 2015	
				3. Kevin Olson - Sonatina of the Old West	Composer in Focus	The FJH music company inc, 2005	
				4. Piano Sonatinas Book Four Early Advanced	Compiled and edited by Nance & Randall Faber	Faber Piano Adventures, USA.	
				5. Debussy - Pour Le Piano	Edition Peters	C.F. Peter - FRANKFURT, New York, LonDon	
48	**PIA2011***	Hòa tấu 1	2	**1. Học liệu bắt buộc**	Đinh Công Hải chủ biên	- NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	

				Giáo trình Hòa tấu 1 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)			
				2. Học liệu tham khảo 1. Mozart selected works for piano	Compiled and Edited by Keith Snell	NEIL A. KJOS MUSIC COMPANY, PUBLISHER, 1997	
				2. BRAHMS Konzert Nr.2 B-Dur/Bb major Opus 83	Edition Peters	Edition Peters Group, London New York, 2015	
				3. Kevin Olson - Sonatina of the Old West	Composer in Focus	The FJH music company inc, 2005	
				4. Piano Sonatinas Book Four Early Advanced	Compiled and edited by Nance & Randall Faber	Faber Piano Adventures, USA.	
49	**PIA2012***	Hòa tấu 2	2	**1. Học liệu bắt buộc** Giáo trình Hòa tấu 2 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	- NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo 1. Mozart selected works for piano	Compiled and Edited by Keith Snell	NEIL A. KJOS MUSIC COMPANY, PUBLISHER, 1997	
				2. BRAHMS Konzert Nr.2 B-Dur/Bb major Opus 83	Edition Peters	Edition Peters Group, London New York, 2015	
				3. Kevin Olson - Sonatina of the Old West	Composer in Focus	The FJH music company inc, 2005	
				4. Piano Sonatinas Book Four Early Advanced	Compiled and edited by Nance & Randall Faber	Faber Piano Adventures, USA.	

50	**PIA2013***	Hòa tấu 3	2	**1. Học liệu bắt buộc** Giáo trình Hòa tấu 3 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	- NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo 1. Mozart selected works for piano	Compiled and Edited by Keith Snell	NEIL A. KJOS MUSIC COMPANY, PUBLISHER, 1997	
				2. BRAHMS Konzert Nr.2 B-Dur/Bb major Opus 83	Edition Peters	Edition Peters Group, London New York, 2015	
				3. Kevin Olson - Sonatina of the Old West	Composer in Focus	The FJH music company inc, 2005	
				4. Piano Sonatinas Book Four Early Advanced	Compiled and edited by Nance & Randall Faber	Faber Piano Adventures, USA.	
51	**PIA2014***	Hòa tấu 4	2	**1. Học liệu bắt buộc** Giáo trình Hòa tấu 4 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	- NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo 1. Mozart selected works for piano	Compiled and Edited by Keith Snell	NEIL A. KJOS MUSIC COMPANY, PUBLISHER, 1997	
				2. BRAHMS Konzert Nr.2 B-Dur/Bb major Opus 83	Edition Peters	Edition Peters Group, London New York, 2015	

				3. Kevin Olson - Sonatina of the Old West	Composer in Focus	The FJH music company inc, 2005	
				4. Piano Sonatinas Book Four Early Advanced	Compiled and edited by Nance & Randall Faber	Faber Piano Adventures, USA.	
52	**PIA2015**	Hòa thanh trên đàn 1	2	**1. Học liệu bắt buộc** Giáo trình hoà âm ứng dụng	Hoàng Hoa	NXB Đại học Sư phạm, 2008	
				2. Học liệu tham khảo - Sách giáo khoa hoà thanh	- Phạm Tú Hương, Vũ Nhật Thăng (1993)	- Nxb Âm nhạc	
				- Tuyển chọn bài tập phân tích hoà thanh	- Hoàng Hoa, Trương Ngọc Bích	- Trung tâm thông tin –Thư viên Âm nhạc, Bộ Văn hóa thông tin, Nhạc viện Hà Nội, 2012, Việt Nam.	
53	**PIA2016**	Hòa thanh trên đàn 2	2	**1. Học liệu bắt buộc** Giáo trình hoà âm ứng dụng	Hoàng Hoa	NXB Đại học Sư phạm, 2008	
				2. Học liệu tham khảo - Sách giáo khoa hoà thanh	- Phạm Tú Hương, Vũ Nhật Thăng	- Nxb Âm nhạc, 1993	
				- Tuyển chọn bài tập phân tích hoà thanh	- Hoàng Hoa, Trương Ngọc Bích	- Trung tâm thông tin –Thư viên Âm nhạc, Bộ Văn hóa	

						thông tin, Nhạc viện Hà Nội, 2012, Việt Nam.	
54	**PIA2018**	Kỹ năng nghe	2	**1. Học liệu bắt buộc** Giáo trình Piano 1 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				Giáo trình Piano 2 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				Giáo trình Piano 3 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				Giáo trình Piano 4 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo - 1000 hợp âm cho đàn Qrgan & Piano	Patrick Moulou, Art Mickaelian, Thiên Kim (Dịch)	NXB TP Hồ Chí Minh, 2008	
				- Tuyển tập tác phẩm Việt Nam cho đàn Piano (Tập 1)	Nguyễn Hữu Tuấn	Nhạc Viện Hà Nội, 1996	
				- Tuyển tập tác phẩm Việt Nam cho đàn Piano (Tập 2)	Nguyễn Hữu Tuấn	Nhạc Viện Hà Nội, 1996	

55	**MUS2014**	Thực tế sáng tác	2	**1. Học liệu bắt buộc** - Phân tích cấu trúc tác phẩm âm nhạc	Đặng Văn Bông	Nxb. Giáo dục, H. (2007), Việt Nam.	
				2. Học liệu tham khảo			
				- 55 ca khúc về biển đảo và tình yêu quê hương	Nhiều tác giả (Song Minh tuyển soạn)	Nxb. Âm nhạc, H. (2015), Việt Nam.	
				- Tuyển chọn bài tập phân tích hoà thanh	Hoàng Hoa, Trương Ngọc Bích	Trung tâm thông tin - Thư viên, 2012	
				- Ảnh hưởng của âm nhạc dân gian trong tác phẩm khí nhạc mới Việt Nam thế kỷ XX	Trịnh Hoài Thu	Nxb. Âm nhạc, H. (2014), Việt Nam	
56	**PIA2017**	Phương pháp dạy học Piano	2	**1. Học liệu bắt buộc** - The Art of Piano Playing	HeinRich Neuhaus	Praeger Publishers, New York, Washington, 2007	
				2. Học liệu tham khảo - Các phương pháp sáng tạo	Phan Dũng	NXB Trẻ, 2010	

				- Phương pháp và công nghệ dạy học trong môi trường sư phạm tương tác	Phó Đức Hòa, Ngô Quang Sơn	NXB Đại học Sư phạm 2016	
57	**PIA2027**	Chuyên đề	3	**1. Học liệu bắt buộc** Giáo trình Piano 1 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo 1. Mozart selected works for piano	Compiled and Edited by Keith Snell	NEIL A. KJOS MUSIC COMPANY, PUBLISHER, 1997	
				2. BRAHMS Konzert Nr.2 B-Dur/Bb major Opus 83	Edition Peters	Edition Peters Group, London New York, 2015	
				3. Kevin Olson - Sonatina of the Old West	Composer in Focus	The FJH music company inc, 2005	
				4. Piano Sonatinas Book Four Early Advanced	Compiled and edited by Nance & Randall Faber	Faber Piano Adventures, USA.	

				5. Debussy - Pour Le Piano	Edition Peters	C.F. Peter - FRANKFURT, New York, LonDon	
V	**M5**	***Khối kiến thức thực tế, thực tập nghề nghiệp***	**6**				
58	**PIA2028**	Thực tập nghề nghiệp 1	3				
59	**PIA2029**	Thực tập nghề nghiệp 2	3				
VI	**M6**	**Khối kiến**	**14**				

		thức cuối khóa					
60	**PIA2022**	Chương trình biểu diễn nghệ thuật	14				

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
(*Ký và đóng dấu*)

PGS.TS Lê Vinh Hưng